

**Bộ giáo trình những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông cho lãnh đạo trong cơ quan nhà nước**

**HỌC PHẦN 5**  
**QUẢN LÝ INTERNET**

Ang Peng Hwa

**APCICT** Trung tâm đào tạo phát triển công nghệ thông tin và truyền  
thông Châu Á - Thái Bình Dương

## LỜI GIỚI THIỆU

Thế kỷ 21 đã đánh dấu sự tác động lẫn nhau của con người trên toàn cầu. Thế giới đang mở ra cơ hội cho hàng triệu người nhờ công nghệ mới, những thông tin và kiến thức thiết yếu được mở rộng đã cải thiện một cách đáng kể cuộc sống của con người và giúp giảm cảnh nghèo nàn. Điều này chỉ trở thành hiện thực khi có sự liên kết cùng với việc chia sẻ giá trị, cùng cam kết và thống nhất sự phát triển tổng thể và phù hợp.

Trong những năm gần đây, Châu Á Thái Bình Dương được biết đến như khu vực năng động nhất trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông (ICT). Theo báo cáo của Liên minh Viễn thông Thế giới, khu vực này đã có trên 2 tỷ thuê bao điện thoại, trong đó có 1,4 tỷ thuê bao di động. Tính đến năm 2008, chỉ riêng Ấn Độ và Trung Quốc đã chiếm ¼ số lượng thuê bao di động trên toàn thế giới. Khu vực Châu Á Thái Bình Dương được cho là chiếm 40% số lượng người sử dụng internet trên thế giới và đồng thời là thị trường băng rộng lớn nhất, với chiếm 39% thị trường toàn cầu.

Cùng với tốc độ phát triển nhanh của công nghệ, nhiều vấn đề được nhắc đến khi khoảng cách số biến mất. Nhưng điều đáng tiếc, khoảng cách số vẫn hiện hữu. Thậm chí 5 năm, sau khi Hội nghị Thế giới về Xã hội thông tin (WSIS) diễn ra ở Geneva vào năm 2003, bất chấp sự phát triển ấn tượng của công nghệ và những cam kết của các nước lớn trong khu vực. Kết quả là truy nhập truyền thông cơ bản vẫn còn xa lạ với nhiều người, đặc biệt là những người nghèo.

Hơn 25 quốc gia trong khu vực gồm những nước đang phát triển, đã có gần 10 người sử dụng internet trên 100 dân, phần lớn tập trung ở các thành phố lớn. Trong khi đó ở một vài nước đã phát triển trong khu vực thì tỉ lệ rất cao với hơn 80 người sử dụng internet trên 100 dân. Sự chênh lệch về mức độ phổ cập băng rộng giữa các nước phát triển và đang phát triển vẫn còn là giữ một khoảng cách lớn.

Để giảm dần khoảng cách số và nhận diện đúng tiềm năng của ICT cho phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, những nhà lập pháp ở các nước phát triển cần xây dựng các chính sách ưu tiên và khung điều chỉnh, chỉ định nguồn quỹ, và tạo

điều kiện cho xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp ICT và nâng cao kỹ năng ICT cho công dân nước họ.

Trong Kế hoạch Hành động của WSIS có chỉ rõ, “... mỗi người sẽ có cơ hội tiếp cận những kỹ năng và kiến thức cần thiết để hiểu, thực hành và đạt được những lợi ích từ Xã hội Thông tin và Kinh tế Tri thức.”. Trong phần cuối của kế hoạch này đã kêu gọi sự hợp tác quốc tế và khu vực trong những lĩnh vực có tiềm năng, đặc biệt nhấn mạnh vào việc tạo tập một số lượng lớn các chuyên gia ICT.

Để hỗ trợ tốt cho lời kêu gọi từ Kế hoạch hành động của WSIS, APCICT đã xây dựng chương trình giảng dạy đầy đủ về ICT – Học thuật ICT cần thiết cho nhà lãnh đạo trực thuộc cơ quan nhà nước. Chương trình này bao gồm 8 phần có liên kết chặt chẽ với nhau, với mục tiêu truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm cần thiết giúp các nhà lập pháp xây dựng và thi hành sáng kiến ICT hiệu quả hơn.

APCICT là một trong 5 học viện của Ủy ban Kinh tế Xã hội Liên hợp quốc Châu Á Thái Bình Dương. APCICT xúc tiến chương trình phát triển kinh tế xã hội phù hợp và toàn diện ở Châu Á Thái Bình Dương thông qua việc phân tích, chuẩn hóa, khai thác tiềm năng, hợp tác khu vực và chia sẻ kiến thức. Trong quá trình hợp tác với các cơ quan Liên hợp quốc khác, các tổ chức quốc tế, các quốc gia và những tổ chức liên quan, ESCAP, đại diện là APCICT, được giao nhiệm vụ hỗ trợ việc sử dụng, cải tiến và dịch thuật các bài giảng cho các quốc gia khác nhau, phù hợp với các trình độ trung và cao cấp của các nhân viên trong cơ quan nhà nước, với mục đích đưa kỹ năng và kiến thức thu thập được làm gia tăng những lợi ích từ ICT và thiết lập những hành động cụ thể để đạt được mục tiêu phát triển.

Noeleen Heyzer

TL. Tổng Thư ký Liên hợp quốc  
Và Giám đốc điều hành của ESCAP

## LỜI TỰA

Chặng đường phát triển của bộ giáo trình những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) cho lãnh đạo trong cơ quan nhà nước thực sự là một kinh nghiệm mang tính trí tuệ cao. Bộ giáo trình không chỉ phục vụ cho việc xây dựng các kỹ năng CNTT&TT, mà còn mở đường cho một phương thức mới về xây dựng chương trình giảng dạy - thông qua sự hợp tác của các thành viên và tự chủ về quy trình.

Bộ giáo trình là một chương trình mang tính chiến lược của APCICT, phát triển trên cơ sở kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu một cách toàn diện được tiến hành trên 20 nước trong khu vực và sự tham khảo ý kiến của các nhân viên thuộc cơ quan nhà nước, thành viên các cơ quan phát triển quốc tế, các viện hàn lâm và cơ sở giáo dục; những nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng về điểm mạnh và điểm yếu của giáo trình đào tạo; thông tin phản hồi từ những người tham gia xây dựng chuỗi bài giảng của APCICT – tổ chức các buổi hội thảo khu vực và quốc gia liên quan đến nội dung bài giảng và các phương pháp đào tạo khoa học; và sự trao đổi góp ý thẳng thắn của các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực ICT phục vụ phát triển. Các hội thảo về giáo trình diễn ra ở các khu vực thu được những lợi ích vô giá từ các hoạt động trao đổi kinh nghiệm và kiến thức giữa những người tham dự đến từ các quốc gia khác nhau. Đó là một quy trình để các tác giả xây dựng nội dung.

Việc xây dựng 8 học phần trong bộ giáo trình đánh dấu một sự khởi đầu quan trọng trong việc nâng cao sự hợp tác ở hiện tại và xây dựng các mối liên hệ mới nhằm phát triển các kỹ năng thiết lập chính sách phát triển CNTT&TT khắp khu vực. APCICT cam kết cung cấp sự hỗ trợ kỹ thuật trong việc giới thiệu bộ giáo trình quốc gia như một mục tiêu chính hướng tới việc đảm bảo rằng bộ giáo trình sẽ được phổ biến tới tất cả những nhà lập pháp. APCICT cũng đang xúc tiến một cách chặt chẽ với một số viện đào tạo trong khu vực và quốc tế, những tổ chức có mối quan hệ mật thiết với cơ quan nhà nước cấp trung ương và địa phương để cải tiến, dịch thuật và truyền đạt các nội dung của Giáo trình tới những quốc gia có nhu cầu. APCICT đang tiếp tục mở rộng hơn nữa về đối tượng tham gia nghiên cứu giáo trình hiện tại và kế hoạch phát triển một giáo trình mới.

Hơn nữa, APCICT đang xúc tiến nhiều kênh để đảm bảo rằng nội dung Giáo trình đến được nhiều người học nhất trong khu vực. Ngoài phương thức học trực tiếp thông qua các tổ chức lớp học ở các khu vực và quốc gia, APCICT cũng tổ chức các lớp học ảo (AVA), phòng học trực tuyến cho phép những học viên tham gia bài giảng ngay tại chỗ làm việc của họ. AVA đảm bảo rằng tất cả các phần bài giảng và tài liệu đi kèm cũng như bản trình chiếu và bài tập tình huống dễ dàng được truy nhập trực tuyến và tải xuống, sử dụng lại, cải tiến và bản địa hóa, và nó bao gồm nhiều tính năng khác nhau như bài giảng ảo, công cụ quản lý học tập, công cụ phát triển nội dung và chứng chỉ.

Việc xuất bản và giới thiệu 8 học phần của bộ giáo trình thông qua các buổi hội thảo khu vực, tiểu khu vực, quốc gia có sự tận tâm cống hiến, tham gia tích cực của nhiều cá nhân và tổ chức. Tôi muốn nhân cơ hội này để bày tỏ lòng cảm ơn những nỗ lực và kết quả đạt được của nhóm cộng tác và các đối tác từ các Bộ, ngành, học viện, và các tổ chức khu vực và quốc gia đã tham gia hội thảo về bộ giáo trình. Họ không chỉ cung cấp những thông tin đầu vào có giá trị, phục vụ nội dung của bài giảng, mà quan trọng hơn, họ đã trở thành những người ủng hộ việc truyền đạt bộ giáo trình trên đất nước mình, tạo ra kết quả là những thỏa thuận chính thức giữa APCICT và một số viện đối tác của các quốc gia và trong khu vực để cải tiến và phát hành bài giảng giáo trình chính thức cho đất nước họ.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đặc biệt cho những nỗ lực cống hiến của nhiều cá nhân nổi bật, những người đã tạo nên thành quả cho bài giảng này. Họ là Shahid Akhtar Cố Vấn Dự án Giáo trình; Patricia Arinto, Biên tập; Christine, Quản lý xuất bản; toàn bộ tác giả bộ giáo trình; và những nhóm APCICT.

Chúng tôi hy vọng rằng bộ giáo trình sẽ giúp các quốc gia thu hẹp được những hạn chế của nguồn nhân lực CNTT&TT, xóa bỏ những rào cản nhận thức về CNTT&TT, và xúc tiến ứng dụng CNTT&TT trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đạt được mục tiêu phát triển thiên nhiên kỹ.

Hyeun – Suk Rhee

Giám đốc UN-APCICT

## VỀ CHUỖI HỌC PHẦN

Trong kỷ nguyên thông tin ngày nay, việc truy cập thông tin một cách dễ dàng đang làm thay đổi cách chúng ta sống, làm việc và giải trí. Nền kinh tế số - còn được gọi là kinh tế tri thức, kinh tế mạng hay kinh tế mới, được mô tả như một sự chuyển tiếp từ sản xuất hàng hóa sang tạo lập ý tưởng. Công nghệ thông tin và truyền thông đang đóng một vai trò quan trọng và toàn diện trên mọi mặt của kinh tế xã hội.

Như một kết quả, chính phủ trên khắp thế giới đang quan tâm nhiều hơn tới CNTT&TT trong sự phát triển quốc gia. Đối với các nước, phát triển CNTT&TT không chỉ phát triển về công nghiệp CNTT&TT là một lĩnh vực của nền kinh tế mà còn bao gồm cả việc ứng dụng CNTT&TT trong hoạt động kinh tế, xã hội và chính trị.

Tuy nhiên, giữa những khó khăn mà chính phủ các nước phải đối mặt trong việc thi hành các chính sách CNTT&TT, những nhà lập pháp thường không nắm rõ về mặt công nghệ đang sử dụng cho sự phát triển quốc gia. Cho đến khi không thể điều chỉnh được những điều họ không hiểu, nhiều nhà lập pháp né tránh tạo lập các chính sách về CNTT&TT. Nhưng chỉ quan tâm tới công nghệ mà không tạo lập các chính sách thì cũng là một sai lầm vì những nhà công nghệ thường ít có kiến thức về thi hành những công nghệ họ đang phát triển hoặc sử dụng.

Bộ giáo trình những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) cho lãnh đạo trong cơ quan nhà nước do Trung tâm Đào tạo Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Liên hợp quốc và Châu Á Thái Bình Dương (UN-APCICT) xây dựng nhằm phục vụ cho:

1. Các nhà hoạch định chính sách về CNTT&TT cả ở mức độ quốc gia và địa phương;
2. Quan chức chính phủ chịu trách nhiệm về phát triển và thi hành các ứng dụng của CNTT&TT; và
3. Những nhà quản lý trong lĩnh vực công đang tìm kiếm chức danh quản lý dự án về CNTT&TT.

Bộ giáo trình hướng đến những vấn đề liên quan tới CNTT&TT phục vụ phát triển trên cả khía cạnh chính sách và công nghệ. Mục đích cốt yếu của giáo trình CNTT&TT không tập trung vào kỹ thuật mà truyền đạt sự hiểu biết về những điều công nghệ số có khả năng hoặc đang hướng tới, tác động tới như thế nào trong việc hoạch định chính sách. Các chủ đề trong bài giảng được thiết kế dựa trên phân tích nhu cầu và khảo sát những chương trình đào tạo trên khắp thế giới.

Học phần được cấu tạo theo cách mà người học có thể tự học một cách độc lập hoặc bài giảng cho một khóa học. Học phần vừa mang tính chất riêng lẻ nhưng cũng liên kết với những chủ đề và tình huống thảo luận trong phần khác của chuỗi. Mục tiêu là tạo được sự thống nhất ở tất cả các phần.

Mỗi phần bắt đầu với việc trình bày một chủ đề và kết quả mà người đọc sẽ thu được. Nội dung các phần được chia thành các mục bao gồm bài tập và tình huống để giúp hiểu sâu hơn những nội dung chính. Bài tập có thể được thực hiện bởi từng cá nhân hoặc một nhóm học viên. Biểu đồ và bảng biểu được cung cấp để minh họa những nội dung của buổi thảo luận. Tài liệu tham khảo được liệt kê để cho người đọc có thể tự tìm hiểu sâu hơn về bài giảng.

Việc sử dụng CNTT&TT phục vụ phát triển rất đa dạng, trong một vài tình huống hoặc thí dụ ở bài giảng có thể xuất hiện những mâu thuẫn. Đây là điều đáng tiếc. Đó cũng là sự kích thích và thách thức của quá trình rèn luyện mới và cũng là triển vọng khi tất cả các nước bắt đầu khai tiềm năng của CNTT&TT như công cụ phát triển.

Hỗ trợ chuỗi học phần còn có một phương thức học trực tuyến – Học viện ảo ACICT (AVA – <http://www.unapcict.org/academy>) – với phòng học ảo sẽ chiếu bản trình bày của người dạy dưới dạng video và Power Point của học phần.

Ngoài ra, APCICT đã phát triển một kênh cho phát triển CNTT&TT (e-Co Hub – <http://www.unapcict.org/ecohub>), một địa chỉ trực tuyến dành cho những học viên phát triển CNTT&TT và những nhà lập pháp nâng cao kinh nghiệm học tập. E-Co Hub cho phép truy cập những kiến thức về các chủ đề khác nhau của phát triển CNTT&TT và cung cấp một giao diện chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, và hợp tác trong việc nâng cao CNTT&TT phục vụ phát triển.

## **HỌC PHẦN 5**

Internet đã tạo ra hàng loạt thách thức đối với các chính sách công và sự ổn định trong vấn đề phát triển con người, cả trên toàn cầu lẫn ở phạm vi quốc gia. Do đó, cần phải có những bước tiến trong các chính sách và thủ tục quốc tế về việc quản lý vấn đề sử dụng Internet. Tuy nhiên, mặc dù khu vực Châu Á Thái Bình Dương có lượng người sử dụng Internet nhiều nhất, nhưng khu vực này lại có rất ít chính sách liên quan đến vấn đề phát triển Internet. Có rất nhiều vấn đề và thách thức riêng liên quan đến quản lý Internet trong bối cảnh của khu vực. Chính phủ của các nền kinh tế mới nổi cần phải hiểu rõ vấn đề này nếu họ muốn có tiếng nói trên mạng thông tin toàn cầu.

### **Mục tiêu trong Học phần**

Học phần này có mục đích:

1. Mô tả những bước tiến trong các chính sách và thủ tục quốc tế đối với việc quản lý vấn đề sử dụng Internet; và
2. Đưa ra những vấn đề và thách thức riêng liên quan đến quản lý Internet trong bối cảnh của khu vực.

### **Kết quả thu được**

Sau khi đọc Học phần này, người đọc cần phải:

1. Mô tả những bước tiến trong các chính sách và thủ tục quốc tế trong việc quản lý vấn đề sử dụng Internet
2. Thảo luận các vấn đề chính trong việc quản lý Internet từ viễn cảnh của các nước đang phát triển.
3. Chỉ ra những bước đầu để tiến tới việc quản lý Internet tại từng quốc gia của người đọc.



## **MỤC LỤC**

<b>LỜI GIỚI THIỆU .....</b>	<b>2</b>
<b>LỜI TỰA .....</b>	<b>4</b>
<b>VỀ CHUỖI HỌC PHẦN.....</b>	<b>6</b>
<b>HỌC PHẦN 5 .....</b>	<b>8</b>
Mục tiêu trong Học phần .....	8
Kết quả thu được .....	8
Danh mục các trường hợp nghiên cứu .....	10
Danh mục các hình.....	11
Danh mục từ viết tắt.....	12
<b>1. VẤN ĐỀ VÀ PHẠM VI CỦA QUẢN LÝ INTERNET .....</b>	<b>14</b>
1.1 Giới thiệu chung.....	14
1.2 Lịch sử và cơ sở kỹ thuật của Internet .....	14
<b>2. VẤN ĐỀ QUẢN LÝ ĐA CHIỀU VÀ ĐA CẤP BẬC ĐỐI VỚI INTERNET .....</b>	<b>22</b>
2.1 Khái niệm.....	22
2.2 Giới thiệu.....	24
<b>3. MỨC ĐỘ QUẢN LÝ INTERNET – VẤN ĐỀ SỬ DỤNG INTERNET .....</b>	<b>29</b>
3.1 Các quy tắc.....	29
3.2 Gợi ý quy trình chỉ dẫn .....	32
<b>4. PHẠM VI QUẢN LÝ INTERNET II – LẠM DỤNG INTERNET .....</b>	<b>41</b>
4.1. Điều gì đặc biệt có ở Internet.....	41
4.2 Lạm dụng Internet .....	42
4.3 Thuồng phạt .....	47
<b>5. NHỮNG VẤN ĐỀ CHỒNG CHÉO GIỮA INTERNET VÀ THẾ GIỚI NGOÀI INTERNET .....</b>	<b>53</b>

5.1 Chính sách cạnh tranh .....	53
5.2 Vấn đề kiểm duyệt và tự do thể hiện .....	54
5.3 Lời nói xấu .....	56
5.4 Bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác.....	57
5.5 Quyền riêng tư.....	59
<b>6. MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN: THIẾT BỊ SỐ.....</b>	<b>61</b>
6.1 ICT đối với vấn đề phát triển .....	61
6.2 Giới hạn và chướng ngại vật .....	63
6.3 Các ứng dụng của ICTD .....	63
<b>7. QUẢN LÝ INTERNET: NHÌN VỀ PHÍA TRƯỚC .....</b>	<b>66</b>

### **Danh mục các trường hợp nghiên cứu**

1. Thừa nhận các bằng chứng điện tử	34
2. Những nội dung phạm pháp: Hợp tác toàn cầu	35
3. Virus IloveYou	36
4. Quyền sao in âm nhạc	37
5. Tiêu chuẩn Châu Âu	38
6. Rà soát vấn đề mua bán trên mạng hàng năm	43
7. Thư nhả rác khi nào thì dừng lại	44
8. Giải quyết vấn đề nghiên Internet	45
9. Chi phí hay Sự lừa đảo 419 Nigerian	46
10. Cường dâm trên Cyberspace	47
11. Hiệp định Thỏa thuận Châu Âu về vấn đề tội phạm mạng	49
12. Liên minh chống thư rác	50
13. Sự đổi mới trong lĩnh vực viễn thông và chi phí sử dụng Internet	53
14. Bộ lọc tự đánh giá tự nguyện	54

15. Internet cho nông thôn	61
----------------------------	----

### **Danh mục các hình**

Hình 1. Đặt một website trên Internet	18
Hình 2. Sự tham gia đa chiều và đa cấp bậc vào quản lý Internet	24
Hình 3. Một hành động cân bằng trong bản quyền	57

## Danh mục từ viết tắt

APCICT	Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông Châu Á Thái Bình Dương
ccTLD	Mã tên miền của quốc gia
CoE	Hội đồng Châu Âu
CSC	Trung tâm dịch vụ chung, Ấn Độ
DEC	Tập đoàn thiết bị số
DNS	Hệ thống tên miền
ESCAP	Ủy ban kinh tế và xã hội Châu Á Thái Bình Dương
EU	Ủy ban Châu Âu
FOSS	Phần mềm mã nguồn mở và miễn phí
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
gTLD	Thế hệ tên miền cấp độ cao
ICANN	Tổ chức hợp tác Internet về đăng ký tên và số hiệu
ICPEN	Hệ thống tăng cường và bảo vệ người tiêu dùng quốc tế
ICRA	Hiệp hội xếp hạng nội dung Internet
ICT	Công nghệ thông tin và Truyền thông
ICTD	Công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ phát triển
IP	Giao thức Internet
IPv4	Giao thức Internet thế hệ 4
IPv6	Giao thức Internet thế hệ 6
ITU	Hiệp hội Thông tin Viễn Thông Quốc tế
MDG	Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ

OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
PPP	Hợp tác công – tư
RIAA	Hiệp hội công nghiệp thu âm Hoa Kỳ
RIR	Khu vực đăng ký Internet
TCP/IP	Giao thức kiểm soát truyền dữ liệu/ Giao thức Internet
TLD	Tên miền cấp độ cao
UN	Liên hợp quốc
USA	Liên bang Mỹ
WGIG	Nhóm đặc trách quản lý Internet
WSIS	Hội nghị toàn cầu về Xã hội thông tin

# 1. VẤN ĐỀ VÀ PHẠM VI CỦA QUẢN LÝ INTERNET

**Phần này có mục đích cung cấp thông tin lịch sử sơ lược và bối cảnh của quản lý Internet và một số phạm vi chính của quản lý Internet**

## 1.1 Giới thiệu chung

Phải thừa nhận rằng một phương thức thông tin liên lạc mới gọi là Internet đang ở tình trạng không thể quản lý được. Điều đó có nghĩa là, khi người dùng đầu tiên nói rõ ràng và thường xuyên rằng Internet là một sáng chế được đưa ra nhằm chống lại các cuộc tấn công nguyên tử, thoát khỏi tình trạng bị bao vây bằng con đường vòng, xuyên qua tất cả các biên giới quốc gia và do vậy được kiểm duyệt (censor-proof). Khó kiểm duyệt có nghĩa là nội dung của nó là rất khó nếu không muốn nói là không thể kiểm soát và do vậy người dùng rất khó có thể tuân theo một quy định nào.<sup>1</sup>

Hiện tại, hơn 10 năm sau khi Internet được phổ biến rộng rãi, chúng ta biết rằng những khái niệm trên về Internet là một chuyện hoang đường và Internet có thể được quản lý. Trên thực tế, có nhiều nước phát triển có các quy định về quản lý Internet trong khi các nước kém phát triển hơn lại có rất ít, thậm chí là không có các điều luật về quản lý Internet. Việc thiếu các quy định về quản lý Internet có thể dẫn đến việc các nước đang phát triển trở thành nơi trú ngụ của những tội ác sử dụng Internet, ví như như thư rác và thông tin gian lận.

Số lượng các quy định và điều luật không phải là vấn đề chính trong việc hạn chế sử dụng internet. Bởi nếu nó là nguyên nhân, thì những nước như Hoa Kỳ sẽ là nơi hạn chế sử dụng internet nhiều nhất trong khi các nước như CHDCND Lào, một quốc gia vẫn còn đang đối mặt với các vấn đề cơ sở hạ tầng yếu kém, sẽ là nơi phát triển Internet mạnh mẽ. Vấn đề ở đây là các quy định về quản lý Internet phải được đặt ra trên cơ sở hiểu rõ luật pháp và các vấn đề kỹ thuật và cả vấn đề hợp tác quốc tế. Học phần này có mục đích làm rõ các vấn đề này và chỉ ra các phương thức hợp tác quốc tế trong việc quản lý Internet.

## 1.2 Lịch sử và cơ sở kỹ thuật của Internet

### Vấn đề lịch sử và sự phát triển kỹ thuật

---

<sup>1</sup> Peng Hwa Ang, *Ordering Chaos: Regulating the Internet* (Singapore: Thomson, 2005).

Internet được sáng chế ra không phải để tạo ra một mạng lưới thông tin giúp chống lại các cuộc tấn công nguyên tử mà là giúp cho các nhà vật lý có thể chia sẻ thông tin trên máy tính để giải quyết các vấn đề cần một mạng lưới các máy tính mới có thể giải quyết được. Vào thời điểm đó, máy tính là một thiết bị vô cùng đắt đỏ và được đặt ở những địa điểm cách xa nhau<sup>2</sup>. Phương pháp để kết nối các máy tính này lại bằng một giao thức được phát minh vào những năm 1960 đã không dựa trên các yếu tố kỹ thuật của một mạng lưới. Điều này là khác thường bởi người ta thường nghĩ rằng để gửi một tin nhắn từ địa điểm này đến địa điểm khác phải sử dụng các thiết bị và công nghệ tốt. Thay vào đó, giao thức này giúp gửi một tin nhắn từ máy tính bằng cách chuyển nó thành một gói thông tin và định dạng lại nó khi tới máy tính nhận. Nếu những tin nhắn này không được nhận một cách rõ ràng và đúng cách, nó sẽ được gửi lại. Phương thức chuyển thông tin này có nghĩa là mạng lưới không cần phải “điều tra”. Tất cả những điều cần ở đây là vạch ra một lộ trình cho tin nhắn đi, và các tin nhắn này sau đó lại phải tự tìm đường đi trong một “mạng lưới ngu ngốc”. “Giao thức kết nối Internet” này giúp các tin nhắn khi chuyển qua các mạng lưới khác nhau hiệu quả hơn nhiều so với giao thức sử dụng cho điện thoại.

Tính ưu việt của Giao thức kết nối Internet đã được nêu bật từ những năm 1970 khi các công ty điện thoại bắt đầu quan tâm nghiên cứu về hệ thống của họ<sup>3</sup>. Mặc dù Hiệp hội Thông tin Viễn Thông Quốc tế (ITU), một tổ chức của Liên Hiệp Quốc lập ra để phối hợp thiết lập hệ thống thông tin viễn thông toàn cầu, đã phát triển một số giao thức và các tiêu chuẩn, sự khác nhau trong viễn cảnh sau này đã dẫn đến một sự xung đột về lợi ích giữa Giao thức kết nối Internet và giao thức kết nối của các công ty Điện thoại

## Lịch sử quản lý Internet<sup>4</sup>

---

<sup>2</sup> Katie Hafner and Mathew Lyon, *Where Wizards Stay Up Late: The Origins of the Internet* (New York: Simon and Schuster, 1998)

<sup>3</sup> David S. Isenberg, “The Dawn of the Stupid Network,” *ACM Networker* 2.1 February/March (1998): 24-31, <http://www.isen.com/papers/Dawnstupid.html>.

<sup>4</sup> Any book that touches on the history of the Internet would be a good reNguồn. Two such book are Hafner and Lyon’s *Where Wizards Stay Up Late*, and Jack Goldsmith and Tim Wu’s *Who Controls the Internet: Illusions of a Borderless World*. A reliable online reNguồn is The Internet Society’s *Histories of the Internet* at <http://www.isoc.org/internet/history>.

Phải hiểu rằng những giao thức và những tiêu chuẩn này là rất quan trọng đối với thế giới công nghệ bởi bất kỳ ai sử dụng/ điều khiển nó cũng có thể ra lệnh được, nếu không kiểm soát được thì hệ thống sẽ tự ra lệnh để kiểm soát. Đối với trường hợp của Internet, Giao thức được sử dụng để gắn kết các hệ thống mạng khác nhau được gọi là Giao thức kiểm soát truyền dữ liệu/ Giao thức Internet ( TCP/IP). Do Vinton G.Ceft và Bob Kahn sáng chế ra năm 1974, Giao thức kết nối này đã rơi vào tranh cãi về chức năng của hệ thống mạng khi bất kỳ một hệ thống mạng nào sử dụng TCP/IP được mặc định là dùng Internet.

Trong mục đích của học phần này, quy tắc quan trọng nhất của Giao thức là không có một sự kiểm soát trực tiếp nào về những thông tin truyền đi trên mạng lưới này, chỉ có sự kiểm soát về địa chỉ mà thông tin được chuyển đến. Vấn đề của địa chỉ này là phải có ai đó đảm bảo rằng sẽ không có sự tranh chấp về địa chỉ. Hệ thống địa chỉ mạng trên thế giới sử dụng các con số để chỉ rõ địa chỉ trên mạng. Một số người hoặc tổ chức phải đảm bảo rằng không thể có 2 địa chỉ sử dụng cùng 1 con số cụ thể, tức là phải có một danh mục địa chỉ cụ thể để loại trừ các xung đột này. Do vậy Jon Postel, người đã từng học tại Đại Học California tại Los Angeles và sau đó trở thành Giám đốc Học Viện Thông tin Khoa học - Đại học Bắc California, đã được tờ báo The Economist gọi là “Vị Chúa của Internet”. Ông đã giải quyết được hầu hết những xung đột để giúp cho hệ thống mạng này phát triển.

Theo con số thống kê về sự tăng trưởng, càng ngày càng khó để có thể nhớ được các con số ghi địa chỉ trên Internet. Vào năm 1983, Postel và Paul Mockapetris đã đề xuất việc đặt tên bằng chữ cho các địa chỉ số trên Internet. VD: thay bằng việc đánh 64.233.161.18 thì người dùng có thể đánh google.com để tìm kiếm. Nó tương tự như việc đặt tên cho hệ thống số của điện thoại. Do vậy, hệ thống tên miền (DNS) ra đời.

DNS cũng tạo ra một số vấn đề trái pháp luật.Điều này sẽ được đề cập cụ thể thông qua các chương sau. Hiện tại, điều quan trọng là phải hiểu thế nào là DNS để hiểu được các vấn đề của nó.<sup>5</sup>

DSN là một hệ thống có cấp bậc như việc xử dụng cấu trúc “hình cây” để quản lý các thông tin về mạng và máy tính. Nó tương tự với một địa chỉ thư tín, như là một người để địa chỉ phố trước và sau đó là địa chỉ quốc gia, vì vậy cấp bậc địa chỉ tên

---

<sup>5</sup> See [http://en.wikipedia.org/wiki/Domain\\_name\\_system](http://en.wikipedia.org/wiki/Domain_name_system) for a more detailed account of the DNS.



miền cao nhất (TLD) được đặt ở cuối cùng và các địa chỉ cụ thể hơn được đặt trước. Vì vậy khi một máy tính tìm kiếm một địa chỉ mạng, có lẽ tìm từ phải qua trái, kiểm tra các máy chủ từ phải qua trái.

Khi được đưa ra lần đầu tiên vào Tháng 1 năm 1985, có 6 loại hệ thống tên miền:

- COM: Cho các tổ chức thương mại
- EDU: Cho các tổ chức giáo dục
- NET: Cho các nhà cung cấp mạng
- ORG: Cho các tổ chức phi chính phủ
- MIL: Cho Quân đội Hoa Kỳ
- GOV<sup>6</sup>: Cho Chính phủ Hoa Kỳ

Kể từ đó, nhiều thể hệ tên miền cấp độ cao (gTLDs) đã được đưa ra<sup>7</sup>. Có lẽ các tên miền hiện nay phục vụ cho mục đích hiện tại của chúng ta là việc tạo ra các mã tên miền của quốc gia (ccTLDs). Những mã này là tương tự nhau nhưng không đồng nhất như theo quy định trong ISO 3166-1alpha- quy định 2 ký tự cho mã tên miền của từng quốc gia và các vùng lãnh thổ, và các ký tự này được sử dụng trong thương mại quốc tế<sup>8</sup>. Hoa Kỳ cũng có 2 ký tự của ccTLDs là US. Nhưng do vị thế thống trị của nó trong lịch sử và là nơi đầu tiên đưa ra Internet, một tên miền mà không có mã quốc gia, đặc biệt là tên miền COM, cũng thể hiện trang web là của Hoa Kỳ, và điều này cũng thể hiện một tham vọng thống trị thế giới trong lĩnh vực này.

Việc đưa ra các mã tên miền quốc gia chứng tỏ rằng các chính phủ có nhiều lựa chọn hơn khi chọn các tên miền. Ví dụ như với yahoo.fr, chứng tỏ rằng quyền kiểm soát các DNS tại Pháp do luật pháp của nước này điều chỉnh. Do vậy, trong một trường hợp nổi tiếng, một tòa án của Pháp đã quyết định rằng Yahoo không có quyền bán bản quyền về các sự việc của Đức quốc xã trên trang web của họ cho người đọc của Pháp. Tòa án của Pháp có thể đưa ra phán quyết như vậy là do tên miền yahoo.fr được bảo hộ tại Pháp. Yahoo sau đó đã đặt lại tên trang web của họ dùng tiếng Pháp thành fr.yahoo.com. Địa chỉ này có tên miền là .com, đối với Yahoo và trên một máy chủ của Pháp. Địa chỉ mới này có nghĩa rằng Yahoo có thể

---

<sup>6</sup> See [http://en.wikipedia.org/wiki/Generic\\_top-level\\_domain](http://en.wikipedia.org/wiki/Generic_top-level_domain) for a more detailed account of the TLD system.

<sup>7</sup> For a definitive list, see <http://data.iana.org/TLD/tlds-alpha-by-domain.txt>. A more reader-friendly list is available at

[http://en.wikipedia.org/wiki/List\\_of\\_Internet\\_top-level\\_domains](http://en.wikipedia.org/wiki/List_of_Internet_top-level_domains).

<sup>8</sup> See [http://en.wikipedia.org/wiki/ISO\\_3166-1\\_alpha-2](http://en.wikipedia.org/wiki/ISO_3166-1_alpha-2) for more details about ISO 3166-1 alpha-2.

từ chối thực thi luật của Pháp mặc dù dường như không hề có một lý do về thương mại nào để Yahoo phải làm như vậy. Thực chất, Yahoo đã thay đổi tất cả các địa chỉ của họ trên các trang web nước ngoài thành các trang web có đuôi .com.

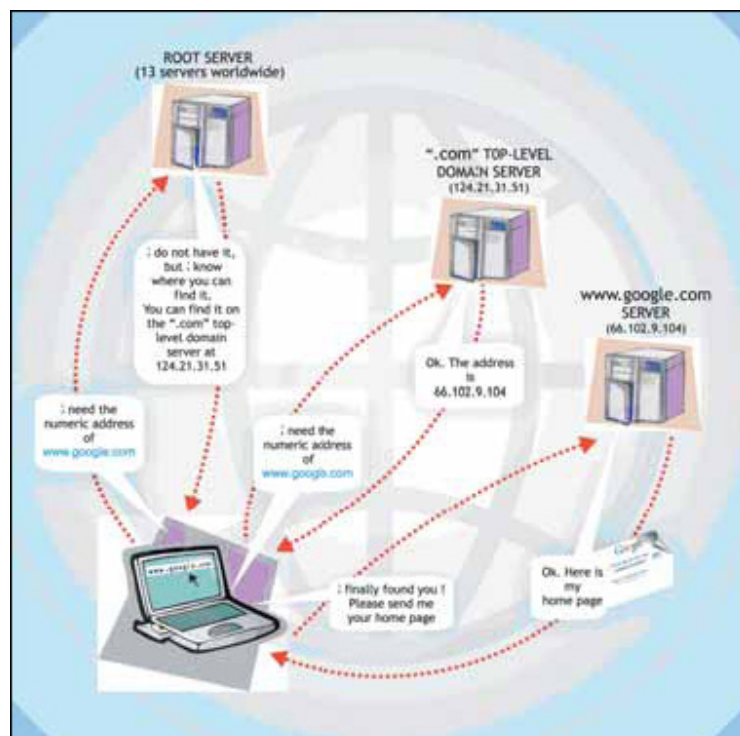
Còn một vấn đề về kỹ thuật khác cần thảo luận ở đây, nó liên quan đến các máy chủ trung tâm. Khi một máy tính tìm kiếm một địa chỉ, nó sẽ bắt đầu từ phải sang trái. Với một gTLD nằm ở cuối của một địa chỉ trang web, việc đầu tiên máy tính tìm kiếm sẽ bắt đầu từ phải. Ví dụ như với trang [www.google.com](http://www.google.com), máy tính sẽ bắt đầu tìm kiếm từ .com. Tại đó, mã modern DNS đã được “thêm vào” một mã code: tất cả các tên miền trên Internet đều phải kết thúc bằng một dấu chấm “.” Và nó được chuyển đến một máy chủ trung tâm. Có 12 tổ chức trung tâm, được gọi là các máy chủ điều khiển trung tâm, để chạy các máy chủ được đánh dấu từ A tới M. chức năng của máy chủ A là máy chủ chính, liên kết với các máy chủ khác từ B tới M một vài lần trong ngày để cập nhật thông tin. Trên thực tế, rất nhiều thông tin được lưu trữ trong các máy chủ khác nhau trên toàn thế giới, điều này là để giảm lưu lượng trên Internet và đẩy nhanh tốc độ thông tin. Khu vực này được gọi là Khu vực trung tâm<sup>9</sup>. Vì các máy chủ trong khu vực điều khiển trung tâm đóng vai trò cốt lõi trong việc vận hành Internet, do vậy còn có những máy chủ được đặt ẩn đối với các tin tặc và được gọi là máy chủ ẩn. Máy chủ ẩn và máy chủ A đều được đặt tại Hoa Kỳ.

### **Hình 1. Đặt một website trên Internet**

(Nguồn: DiploFoundation, <http://textus.diplomacy.edu/textusbin/env/scripts/Pool/GetBin.asp?IDPool=1175>)

---

<sup>9</sup> Wolfgang Kleinwächter, “De-Mystification of The Internet Root: Do We Need Governmental Oversight?” in *Reforming Internet Governance*, ed. William J. Drake (New York: UN ICT Task Force, 2005), 209-225, [http://www.wgig.org/docs/book/WGIG\\_book.pdf](http://www.wgig.org/docs/book/WGIG_book.pdf)



Điều này đặt ra một câu hỏi rằng điều gì sẽ xảy ra với hệ thống Internet của một quốc gia nếu quốc gia này có chiến tranh với Hoa Kỳ. Chính phủ Mỹ có xoá nước này khỏi máy chủ trung tâm khiến cho nước này biến mất khỏi Internet.

Trước cuộc chiến tại Iraq, tên miền IQ đã biến mất khỏi Internet. Tên miền IQ không hề được các đồng minh của Saddam Hussein duy trì mà là do người Palestin sống ở Texas.

Những nhà khai thác tên miền, anh em nhà Elashi và các cộng sự kinh doanh của họ, đã bị bắt và kết án năm 2002 do bán linh phụ kiện máy tính một cách bất hợp pháp sang Libya và Syria. Một cách trùng hợp, hệ thống tên miền IQ đã bị ngăn chặn ngay trước cuộc chiến. Vào ngày 28 tháng 7 năm 2005, trong thời gian bản báo cáo của Nhóm công tác do Liên hiệp quốc chỉ định về quản lý Internet (WGIG) vừa hoàn thành và trước chi nó được dịch sang ngôn ngữ chính thức của Liên Hiệp Quốc, tên miền IQ đã được trao trả lại cho chính phủ Iraq. Lý do của việc này chỉ có một rằng vào thời điểm đó mới có một chính phủ Iraq ổn định và có khả năng điều hành.

Quản lý khu vực trung tâm chính là vấn đề cốt lõi trong quản lý Internet. Tuy nhiên vẫn còn một số vấn đề quan ngại khác nữa. Một vài quốc gia lo lắng về vấn đề

phân loại các địa chỉ IP. Do sự phát triển Internet một cách lung tung và không có kế hoạch từ trước, một vài trường đại học của Mỹ còn có nhiều địa chỉ IP hơn cả một vài quốc gia. Vấn đề này không chỉ là do nền tảng của các địa chỉ IP mà còn do một lúc nào đó tài nguyên địa chỉ IP sẽ cạn kiệt. Trong giao thức Internet phiên bản 4 (IPv4) đang được sử dụng, có tới 4,294,967,296 địa chỉ IP khác nhau. Do dân số thế giới lớn hơn con số này rất nhiều, có khả năng số lượng địa chỉ IP này sẽ hết. Trên một khía cạnh nào đó, vấn đề này đã được cải thiện bằng cách sử dụng một cách hiệu quả hơn hệ thống địa chỉ IP và việc ra đời Giao thức Internet phiên bản 6 (IPv6), phiên bản có tới 340,282,366,920,938,463,374,607,432,768,211,456 địa chỉ IP khác nhau.<sup>10</sup>

Vấn đề quản lý Internet được đặt lên trên trong cuộc hội nghị toàn cầu năm 2003 về vấn đề Xã hội thông tin (WSIS). Trong khi nhiều quốc gia muốn giải quyết vấn đề quản lý Internet, Hoa Kỳ có quan điểm rằng không có đủ khả năng giải quyết vấn đề này, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Do vậy, một nhóm công tác do Tổng thư ký Liên hiệp quốc chỉ định sẽ có trách nhiệm báo cáo vấn đề này. Tuyên bố chung chính thức của WSIS ghi rõ rằng:

50. Vấn đề quản lý Internet tầm cỡ quốc tế sẽ được giải quyết theo phương thức hợp tác. Chúng tôi yêu cầu Tổng thư ký Liên Hiệp quốc của một nhóm công tác về vấn đề quản lý Internet, theo một quá trình mở và bảo đảm rằng thể chế này có sự tham gia một cách toàn diện và năng động của các chính phủ, khu vực tư nhân và toàn xã hội của tất cả các quốc gia phát triển và đang phát triển, liên quan tới các tổ chức và diễn đàn quốc tế và liên chính phủ, để điều tra và đề xuất các giải pháp cho việc quản lý Internet đến năm 2005.<sup>11</sup>

WGIG bao gồm 40 chuyên viên có nhiệm vụ tìm ra sự thật, như việc khẳng định rằng quản lý Internet là quan trọng và ai sẽ có trách nhiệm trong việc này. Và đưa nó vào báo cáo của WGIG.

---

<sup>10</sup> OECD, "Governments and business must tackle Internet address shortage together, says OECD," 15 May 2008, [http://www.oecd.org/document/29/0,3343,en\\_2649\\_34223\\_40542045\\_1\\_1\\_1\\_1,00.html](http://www.oecd.org/document/29/0,3343,en_2649_34223_40542045_1_1_1_1,00.html).

<sup>11</sup> World Summit on the Information Society, *Declaration of Principles – Building the Information Society: A global challenge in the new Millennium* (12 December 2003), <http://www.itu.int/wsis/docs/geneva/official/dop.html>.

**Câu hỏi:**

Tầm quan trọng của quản lý Internet ở nước bạn?

**Câu hỏi tự kiểm tra:**

1. Tại sao lại phát minh ra Internet?
2. Người ta cho rằng Internet không có “trung tâm”. Điều này có đúng không?
3. Làm thế nào để cấu trúc được mạng Internet?
4. Điểm khác nhau giữa một địa chỉ IP mà một tên miền
5. Điểm khác nhau trên thực tế giữa hai phiên bản IPv4 và IPv6

## **2. VẤN ĐỀ QUẢN LÝ ĐA CHIỀU VÀ ĐA CẤP BẬC ĐỐI VỚI INTERNET**

**Chương này có mục đích đưa ra một cái nhìn tổng quan về Báo cáo của WGIG, một tình trạng căng thẳng về chính trị xung quanh một khía cạnh gây nên sự bất đồng lớn nhất trong vấn đề quản lý Internet, và được tranh cãi rất nhiều trên các diễn đàn về quản lý Internet.**

Một vấn đề pháp lý trong việc quản lý Internet là lời khuyên không phá hủy các chức năng của Internet. Do vậy, WGIG đưa ra một số quy tắc của họ rằng Internet sẽ tiếp tục ổn định và an ninh, và cấu trúc và sự phát triển các tiêu chuẩn vẫn đề ngỏ và phù hợp, và các tên miền và các con số vẫn tiếp tục được quản lý một cách chuyên nghiệp.

### **2.1 Khái niệm**

Khái niệm quản lý Internet bắt đầu được đưa ra tranh luận. Với cương vị tại WGIG, và sau đó là ITU, Tổng thư ký Yoshio Utsumi, đã đưa ra một khái niệm hẹp hơn về Quản lý Internet:

Rất nhiều vấn đề có thể sai dưới một khái niệm chính trị rộng hơn về “quản lý Internet”, một khái niệm đã được mở rộng trong phần đầu định nghĩa của WGIG và đã được thống nhất về cơ bản và được đưa ra trong bản hồ sơ cuối cùng trong phần định nghĩa này. Các chính phủ đã có được một sự đồng thuận, theo như trong Hammamet, rằng vấn đề này không nên bàn thảo thêm nữa. Vì vậy, không phải tiếp tục thảo luận về vấn đề như việc trao đổi thông tin tự do, đốm thư rác, an ninh mạng, các máy chủ trung tâm của từng khu vực, bảo vệ quyền riêng tư hoặc không sử dụng ICTs. Thay vào đó, chúng ta nên tập trung vào các hành động chính trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet với ICANN ( Tổ chức hợp tác Internet về đăng ký tên và số hiệu), mà nói riêng là

các tên miền chính, những vấn đề quan trọng vẫn chưa được giải quyết.<sup>12</sup>

Nhóm Công tác không đồng ý với khái niệm hẹp này nhưng chấp nhận nó thay thế cho một khái niệm rộng hơn về Quản lý Internet:

Quản lý Internet là việc phát triển và ứng dụng bởi các Chính phủ, khu vực tư nhân và toàn xã hội, tùy theo chức năng của họ về các nguyên tắc, các quy phạm, quy định, quy trình đưa ra quyết định và các chương trình liên quan đến sự phát triển và sử dụng Internet.<sup>13</sup>

Khái niệm này rất ngắn gọn, đặc biệt khi so sánh với các khái niệm khác<sup>14</sup>. Khái niệm này có thể được hiểu trên một vài khía cạnh. Đầu tiên, nó đối lập với khái niệm hẹp hơn về quản lý Internet được đưa ra chỉ đơn giản dựa trên chức năng của ICANN, khái niệm mà ITU cho rằng giống với những gì họ đã đưa ra. Thứ hai, khái niệm này bao gồm tất cả các chính sách quan trọng như thư rác, quyền riêng tư, tội phạm tự động bằng máy tính, an ninh, và sự phát triển của Internet – các vấn đề không phù hợp với cấu trúc của ITU. Thứ ba, khái niệm này bao gồm các vấn đề riêng tư và công cộng theo các hướng tiếp cận đa chiều khiến cho ITU không thể hợp tác một cách dễ dàng trong các hội nghị của họ bởi các thành viên ITU vẫn bao gồm cả các công ty điện thoại, các công ty mà ở 1 số quốc gia vẫn liên doanh với nhà nước. Khái niệm này một cách gián tiếp cũng đưa ra rằng quản lý Internet cũng là luật được chính phủ thông qua. Nó bao gồm các quy định, quy tắc xã hội do cộng đồng Internet phát triển. Nó cũng được thừa nhận bởi toàn xã hội, thành phần đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của Internet.

Khái niệm này, cùng với các phát biểu chính thức đưa ra trong Tuyên bố WSIS, thể hiện rõ rằng quy trình quản lý Internet phải từ nhiều phía (bao gồm từ chính phủ, khu vực tư nhân, khu vực công cộng), đa phương (bao gồm các quốc gia), và sự minh bạch và dân chủ (theo như mong đợi của số đông). Nó nhấn mạnh đến quy trình trong việc quản lý Internet.

---

<sup>12</sup> Yoshio, Utsumi, Welcome Speech (First Meeting of the Working Group on Internet Governance Geneva, Switzerland, 23-25

November 2004), <http://www.wgig.org/docs/Utsumi.pdf>.

<sup>13</sup> WGIG, *Report of the Working Group on Internet Governance* (2005), 4, <http://www.wgig.org>.

<sup>14</sup> WGIG, *Background Report* (2005), <http://www.wgig.org>.

## Hình 2. Sự tham gia đa chiều và đa cấp bậc vào quản lý Internet

(Nguồn: DiploFounation, <http://textus.diplomacy.edu/textusbin/env/scripts/Pool/GetBin.asp?IDPool=1188>)



### 2.2 Giới thiệu

Nhóm công tác cũng đưa ra một số gợi ý. Đầu tiên là thành lập một diễn đàn cho mọi người cùng thảo luận về các vấn đề liên quan đến Internet. Diễn đàn này sẽ là một hình thức có chi phí thấp và không có nhiều tiếng nói quyết định. Mục đích của nó là nơi để mọi người gặp gỡ cùng thảo luận các vấn đề quan tâm và chia sẻ kinh nghiệm. Diễn đàn đầu tiên về quản lý Internet được lập ra ở Athens năm 2006. Diễn đàn thứ 2 là tại Rio de Janeiro, và diễn đàn thứ 3 sẽ diễn ra tại Hyderabad, Ấn Độ tháng 12 năm 2008.

Gợi ý thứ 2 mà WGIG đưa ra là vấn đề giám sát Internet. Nhóm công tác gợi ý rằng việc quản lý trên tầm quốc tế dựa trên các quy tắc của WSIS sẽ quản lý được số đông người sử dụng, đa phương, minh bạch và dân chủ. Để vấn đề kiểm tra việc giám sát này phải không để ảnh hưởng đến các hoạt động hàng ngày trên Internet, Nhóm công tác đưa ra một gợi ý rằng chính phủ Hoa Kỳ phải từ bỏ quyền kiểm soát độc quyền của ICANN.



Mặc dù bản báo cáo WGIG chỉ ra rằng phải có một sự minh bạch thực sự giữa các tổ chức quốc tế liên quan đến Internet, nó cũng chỉ ra các vấn đề của ICANN. Vấn đề đầu tiên là ICANN không hề đưa ra một danh sách như khi tạo ra các tên miền. Danh sách này sẽ rất có ích đối với những ai đưa ra các tên miền hoặc đưa ra những nhận xét với những tên miền mới được đặt ra. Thứ hai, họ chỉ ra rằng bộ phận kém minh bạch nhất của ICANN chính là Ủy ban tư vấn Chính phủ, một nơi để các chính phủ nhận thông tin đầu vào. Những vấn đề quản lý chính là ICANN là một công ty của Hoa Kỳ với một hợp đồng độc quyền, chứ không phải là một hợp đồng dựa trên các kinh nghiệm tốt nhất. Thứ hai, ICANN có một bản Ghi nhớ ký trực tiếp với Bộ thương mại Hoa Kỳ.

Chính phủ Hoa Kỳ đưa ra 2 lý do cho việc họ tiếp tục để cho ICANN giám sát Internet. Thứ nhất là để đảm bảo tính ổn định và an ninh của Internet và thứ 2 là để tránh sự kiểm duyệt Internet của các Chính phủ khác<sup>15</sup>. Cả 2 lý do này đều gây tranh cãi. Lý do thứ nhất chỉ ra rằng việc tiếp tục vận hành Internet một cách chuyên nghiệp không diễn ra bên ngoài Hoa Kỳ. Lý do thứ hai là dựa trên thực tế kiểm duyệt các tên miền khi ô trống các tên miền XXX, tên miền thường được sử dụng cho các trang web khiêu dâm, ban đầu được chấp nhận, sau đó bị rút lại và bị xóa bỏ. Mặc dù đó là quyết định của ICANN, một công ty tư nhân, việc rút lại tên miền đó rõ ràng là của các nhóm vận động hành lang của Mỹ được người được bổ nhiệm trong chính phủ ủng hộ<sup>16</sup>.

Nhưng điều gì xảy ra nếu như Hoa Kỳ thể hiện như chính họ là người sở hữu Internet. Chúng ta phải xem xét tới hai công nghệ tương tự nhau mà hiện tại Hoa Kỳ vẫn thống trị thế giới. Thứ nhất đó là Hệ Thống định vị toàn cầu GPS, một dịch vụ do quân đội quản lý và hiện tại được cung cấp cho mục đích dân sự. Châu Âu cũng phát triển một công nghệ tương tự gọi là Galileo để đảm bảo rằng dịch vụ ngày vẫn được cung cấp ngay cả khi Hoa Kỳ ngừng cung cấp dịch vụ Hệ thống định vị toàn cầu<sup>17</sup>. Công nghệ thứ hai là công nghệ Hoa Kỳ đang chiếm ưu thế

---

<sup>15</sup> See, for example, the letter by US Congressman Edward Markey as chairman of the Subcommittee on Telecommunications and the Internet in "Markey, Committee Members Comment on Possible Changes to Internet Watchdog Agency," Office of Congressman Markey (6 May 2008),

<http://markey.house.gov/index.php?option=content&task=view&id=3342&Itemid=125>.

<sup>16</sup> Milton Mueller, "XXX Puzzle Pieces Start to Come Together: And the Picture is Ugly," *CircleID*, 17 August 2005, [http://www.circleid.com/posts/xxx\\_puzzle\\_pieces\\_start\\_to\\_come\\_together\\_and\\_the\\_picture\\_is\\_ugly](http://www.circleid.com/posts/xxx_puzzle_pieces_start_to_come_together_and_the_picture_is_ugly).

<sup>17</sup> Directorate-General Energy and Transportation, "Galileo FAQ," [http://ec.europa.eu/dgs/energy\\_transport/galileo/faq/index\\_](http://ec.europa.eu/dgs/energy_transport/galileo/faq/index_)

vượt trội trong Chương trình máy bay tiêm kích tấn công kết hợp (Joint strike Fighter program). Tổng chi phí của chương trình có 10 nước tham gia này dự tính lên tới 40 tỷ USD, với mức đóng góp của các nước đối tác tham gia là 4 tỷ USD. Mã nguồn cho chương trình máy tính để vận hành các máy bay này là do Hoa Kỳ nắm giữ. Ban đầu, ngay cả Anh (UK), đối tác lớn nhất trong việc chia sẻ kinh phí với 2,5 tỷ USD, cũng xung đột với Hoa Kỳ trong việc chia sẻ mã nguồn này. Sau khi Anh đe dọa rút khỏi dự án và bỏ dở kế hoạch mua 150 máy bay, chính phủ Hoa Kỳ đã ký một thỏa thuận cho phép Anh giữ lại “quyền vận hành” các máy bay này.<sup>18</sup>

Tóm lại, đã có một hệ thống tương tự đã làm tăng chi phí phát triển của cả hai hệ thống. Cùng với hệ thống GPS, hệ thống Galileo đã cam kết sẽ là một hệ thống chính xác hơn cả hệ thống của Hoa Kỳ. Đối với Chương trình máy bay tiêm kích tấn công kết hợp (Joint strike Fighter program), phản ứng của Hoa Kỳ sẽ khiến cho vấn đề hợp tác giữa những chương trình tương tự trong tương lai bị ngừng trệ.

Vấn đề thứ 3 mà WGIG đưa ra là yêu cầu tăng cường hợp tác quốc tế giữa các tổ chức và các cơ quan có liên quan đến quản lý Internet. Đó là các tổ chức liên chính phủ như ITU, Tổ chức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thế giới, và Tổ chức Văn Hóa, Khoa học và giáo dục của Liên Hiệp quốc (UNESCO). Các tổ chức khác nữa như các Viện nghiên cứu Internet bao gồm ICANN, Xã hội Internet, Nhóm đặc trách kỹ thuật Internet (IETF), Tiêu chuẩn thiết kế web World Wide Web Consortium (W3C) và Khu vực đăng ký Internet (RIRs). Báo cáo WGIG cũng chỉ ra rằng còn rất nhiều cơ quan tổ chức khác bên cạnh ITU có liên quan đến việc quản lý Internet. Nói tóm lại, ITU đã không chứng minh được vai trò của họ trong việc quản lý Internet.

Vấn đề thứ tư WGIG đưa ra là về các chính sách phối hợp quốc gia và khu vực. Nó kêu gọi việc hợp tác hẹp hơn giữa ccTLDs và các chính phủ và đưa ra các chính sách “Internet thân thiện”. WGIG cũng gợi ý các chính phủ thành lập “Ủy ban kiểm soát” Internet để hướng dẫn vấn đề quản lý Internet. Nói riêng, Ủy ban này sẽ thực hiện các vấn đề sau:

---

en.htm.

<sup>18</sup> “Joint Strike Fighter deal agreed,” *BBC News*, 12 December 2006, [http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk\\_news/politics/6173143.stm](http://news.bbc.co.uk/2/hi/uk_news/politics/6173143.stm).

- Kiểm soát dữ liệu khu vực trung tâm và hệ thống máy chủ trung tâm DNS
- Địa chỉ IP
- Chi phí kết nối quốc tế
- Tính ổn định, an ninh và tội phạm Internet
- Thư rác
- Sự tự do thể hiện
- Tham gia tích cực vào sự phát triển các chính sách toàn cầu
- Quyền cá nhân và bảo vệ dữ liệu
- Quyền người tiêu dùng
- Đa ngôn ngữ

Các vấn đề này được nhóm lại thành 4 nhóm vấn đề sau:

**Hạ tầng cơ sở:** Bao gồm một loạt các vấn đề được thảo luận liên quan đến chính trị như các vấn đề của ICANN liên quan tới địa chỉ IP, tên miền và máy chủ trung tâm. Trong đó cũng có các vấn đề liên quan tới chi phí tài chính

Sử dụng và lạm dụng Internet. Bao gồm một loạt vấn đề liên quan tới thư rác, an ninh và tội phạm mạng. Giải quyết vấn đề này sẽ giúp tăng cường sử dụng đúng Internet và giảm việc sử dụng sai.

**Các vấn đề liên quan tới Internet nhưng có ảnh hưởng rộng lớn hơn:** Các chính sách tác động tới Internet có thể có tác dụng cả bên ngoài Internet. Vấn đề trọng tâm có thể thấy rõ là chính sách cạnh tranh, thương mại điện tử và quyền sở hữu trí tuệ.

**Phát triển các khía cạnh khác nhau của Internet:** Chúng ta phải hiểu rằng sự phát triển là một trong những mục tiêu của WSIS và do vậy liên quan tới việc tranh cãi từ trước tới nay về vấn đề quản lý Internet. Quỹ Thống nhất số (Digital Solidarity Fund) đã bắt đầu tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thông tin và công nghệ thông tin cho phát triển (ICTD). Vấn đề phát triển trong hoàn cảnh này có thể sắp xếp thực hiện trong Mục tiêu phát triển thiên kỷ (MDGs)

4 vấn đề này sẽ được thảo luận tại các phần sau của chương này.

<b>Thảo luận</b>
------------------

1. Thống kê những chính sách liên quan đến Internet tại nước của bạn
2. Mô tả (hoặc kể lại sơ lược) những chính sách này phát triển như thế nào tại quốc gia của bạn

Các nước đang phát triển đang đối mặt với 2 vấn đề về quản lý Internet, thứ nhất: Làm thế nào để tham gia một cách tích cực và hiệu quả vào việc sắp xếp quản lý Internet, và thứ hai, làm thế nào để giải quyết các vấn đề này.

Hội nghị cấp cao của WGIG tại Tunis đã xem xét bản báo cáo của WGIG

### **Kết luận**

Bản báo cáo của WGIG là một bản tổng hợp đầy đủ về các vấn đề quan trọng về quản lý Internet. Bản báo cáo này cũng đưa ra các quy trình cho quản lý Internet. Nó chỉ ra các chính phủ, khu vực tư nhân và toàn xã hội chính là những thành phần chủ chốt trong việc quản lý Internet. WGIG tự nó là một tổ chức mở và minh bạch. Tuy nhiên bản báo cáo của WGIG không phải là một bản lộ trình hoặc một kế hoạch hành động

### **Câu hỏi tự kiểm tra**

1. Khái niệm quản lý Internet do WGIG đưa ra là gì? Tầm quan trọng của khái niệm này là gì?
2. Các khuyến cáo chính mà WGIG đưa ra là gì?
3. Hãy đưa ra một số bài học trong việc quản lý Internet rút ra từ bản báo cáo của WGIG?

### **3. MỨC ĐỘ QUẢN LÝ INTERNET – VẤN ĐỀ SỬ DỤNG INTERNET**

**Chương này có mục đích miêu tả một số các cách thức quản lý Internet.**

Thảo luận về vấn đề này, Làm sao chúng ta có thể đưa những quy định và chính sách về quản lý Internet vào thực tế? Việc quản lý Internet có khả thi hay không?

Trên thực tế, theo một mức độ nào đó, thì việc áp dụng các quy định vào quản lý internet có khả thi mà vẫn khuyến khích sử dụng và nâng cao những lợi ích của nó.

#### **3.1 Các quy tắc**

Có 4 loại quy tắc như sau:

**Luật:** quản lý thông qua các hình thức thưởng phạt chung và riêng và bắt buộc tuân thủ, và do chính phủ ban hành.

**Các quy tắc xã hội:** quản lý thông qua vận động, khuyến khích tuân thủ

**Các cơ chế thị trường:** Thường là thông qua giá cả và sự phổ biến

**Cấu trúc:** Do khả năng của công nghệ cho phép, ngăn cản hoặc ngăn chặn.<sup>19</sup>

#### **Cấu trúc**

Khái niệm “cấu trúc” được sử dụng để nói tới các phát minh về công nghệ thông qua đó các hành động được khuyến khích hoặc ngăn chặn. Ví dụ, để hạn chế tốc độ, người ta có thể đặt các chướng ngại vật giữa đường hoặc có thể làm gờ hạn chế tốc độ. Tại Singapore, các con đường ở khu dân cư sẽ được làm uốn khúc, vừa để hạn chế tốc độ, vừa nâng cao tính thẩm mỹ cho khu nhà. Tương tự như vậy, các nhà sản xuất cũng cài các mã khoá và chướng ngại vật để hạn chế sao chép các bài hát và video.

Đối với Internet, người ta tin rằng bất kỳ phát minh mới nào để nhằm tạo ra một sự phát triển nhanh chóng hơn. Điều đó có nghĩa là việc kiểm soát nội dung ngày càng trở nên khó khăn hơn. Tại Hàn Quốc, thay bằng việc xác định vị trí và tìm bắt các tin tặc, cơ quan an ninh đã phát triển “mạng lưới mật ngọt” để lừa những tin tặc này tấn công vào một hệ thống lỗi.

#### **Các quy tắc về cơ chế thị trường**

---

<sup>19</sup> Lawrence Lessig, *Code 2.0* (New York: Basic Books, 2007).

Quy tắc này thường được sử dụng đánh vào giá thành và sự phổ biến của thiết bị và dịch vụ trên thị trường. Các quy tắc sử dụng cơ chế thị trường như là một công cụ quản lý bao gồm sự công bằng, các điều khoản rõ ràng và thúc đẩy sự cạnh tranh trên thị trường. Đối với mức độ thông thường thì nó đánh vào vấn đề mua bán.

Bí mật thương mại trên Internet, ví dụ như việc cung cấp cho một người một email để có thể gửi và nhận thông tin. Đó chính là ví dụ về sử dụng cơ chế thị trường như một kiểu quy tắc. Sáng kiến ở đây là nếu một người đánh giá quyền riêng tư thấp hơn quyền được gửi và nhận thông tin thông qua email, khi đó họ sẽ không bảo vệ địa chỉ thư đó nữa. Tại Hoa Kỳ, các công ty tư nhân như Trust-e đã có bước nhảy vọt khi đưa ra vấn đề bảo vệ quyền riêng tư của người dùng. Ngược lại, tại Liên Minh Châu Âu EU, các nước này cho rằng quyền riêng tư phải được bảo hộ không phải bởi những thoả thuận riêng giữa một cá nhân và một công ty mà phải thông qua luật pháp.

### **Các quy tắc xã hội**

Sử dụng các quy tắc xã hội là một cơ chế mà áp lực xã hội có thể điều khiển được hành động của mỗi người. Nghi thức mạng trên “mạng” là một ví dụ trong việc sử dụng các quy tắc xã hội như là một quy định. Nghi thức mạng yêu cầu mọi người đưa thông tin lên một diễn đàn phải có liên quan đến nhau, và sau khi một người nói “chào mừng” hoặc “cảm ơn” thì không cần phải trả lời thêm nữa.

Việc sử dụng các quy tắc xã hội là đơn giản hơn khi một nhóm người tham gia bởi nhóm người có chức năng như một tổ chức nhằm quản lý và bắt buộc tuân thủ. Những người phá vỡ các quy tắc này sẽ bị loại trừ ra khỏi nhóm. Sự trừng phạt có thể phát huy tác dụng khi mỗi thành viên trong nhóm được đánh giá quan trọng.

### **Luật, bao gồm cả những quy tắc tự đặt ra**

Luật là sự thể hiện của các chính sách do quốc hội hoặc nghị viện đặt ra. Nói chung, mỗi quốc gia cần phải thận trọng khi thông qua một đạo luật trong một môi trường thay đổi nhanh chóng như môi trường công nghệ. Ở đây, có một bất lợi đầu tiên. Ví dụ khi đạo luật Utah về chữ ký điện tử ra đời, nó là đạo luật kiểu này đầu tiên trên thế giới, và đã nhanh chóng trở nên lỗi thời bởi các công nghệ mới đã tiếp cận phương thức này từ rất lâu trước đó. Singapore và Hoa Kỳ, những nước đưa ra đạo

luật đầu tiên để vô dụng hoá sự vận hành của hệ thống mạng ( đối với trường hợp của Singapore) và các phương tiện trung gian ( với trường hợp của Hoa Kỳ) đã nhanh chóng nhận ra rằng các nước khác đã lấy bộ luật của họ, sửa chữa chúng, và được cho rằng theo một cách cao hơn.

Có thể một lời khuyên tốt nhất là các điều luật đều ra đời chậm hơn và không thể đi trước công nghệ, và các quốc gia nên thông qua những người sử dụng để có sự tham khảo rộng hơn và một sự bàn bạc kỹ lưỡng trước khi thông qua một đạo luật. Phải hiểu rằng Internet vẫn là một nơi có sự phát triển nhanh chóng.

### **Các quy tắc tự đưa ra**

Ngành công nghiệp Internet đã muốn tự đưa ra các quy tắc như một cách để có một sự ổn định hơn trong việc truy cập và áp dụng luật pháp. Đầu tiên, các quy tắc này ngành công nghiệp này sẽ tự quản lý nó, không phải thông qua các cá nhân tự quản lý. Trên thực tiễn, các quy tắc tự đưa ra thường có tác dụng tốt, với quyền cơ bản khi thưởng phạt vẫn do chính phủ đưa ra. Do vậy, chính phủ cho phép ngành công nghiệp này tự đưa ra các quy tắc cho mình. Quảng cáo chính là một lĩnh vực chính phủ cho phép áp dụng điều này, đặc biệt là ở các nước phát triển. Những người phạm tội ngoan cố, những người không tuân thủ những quyết định này có thể nhận được những án phạt do chính phủ đưa ra do những quảng cáo sai sự thật.

Tuy nhiên, các quy tắc tự đưa ra cần nhận được sự ủng hộ tích cực từ khu vực tư nhân. Nó giống như trong ngành công nghiệp quảng cáo vì sử dụng các sắc lệnh của chính phủ trong lĩnh vực này sẽ hạn chế tốc độ phát triển nhanh chóng của nó và kiềm chế sự sáng tạo. Ngành công nghiệp Internet muốn hạn chế các quy tắc này. Một số công ty trong ngành công nghiệp này phản nản rằng các quy tắc tự đưa ra này dường như khiến cho các công ty của họ làm công việc của chính phủ.

### **Câu hỏi**

Trên khía cạnh nào, 4 quy tắc này được sử dụng ở quốc gia của bạn? Quy tắc nào không ứng dụng được ở quốc gia của bạn và tại sao? Quy tắc nào được ứng dụng tốt nhất và tại sao?

### 3.2 Gợi ý quy trình chỉ dẫn

Kể từ khi khái niệm quản lý Internet được phổ biến rộng rãi, một biểu đồ chỉ dẫn đã được đưa ra nhằm gợi ý cho việc ra đời một bộ luật khung. Biểu đồ này bao gồm hàng loạt vấn đề và chỉ ra các bước cơ bản để làm cơ sở cho việc đưa ra các quy định hiệu quả và sau đó để phát triển thành luật. Biểu đồ này đã thể hiện tính thiết thực khi nó được “kiểm chức” qua thực tế.<sup>20</sup>

Khi biểu đồ này được đưa ra vào năm 1996, rất nhiều quốc gia lúc đó còn chưa có những quy định cơ bản về việc quản lý tai nạn ngành điện. Hiện tại, vẫn còn một số quốc gia vẫn chưa phát triển những quy tắc cơ bản cho Internet. Tuy nhiên biểu đồ này vẫn được áp dụng do nó vẫn chọn lọc được những quy tắc và điều luật trên Internet.

Sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về tầm quan trọng từ trên xuống dưới, các vấn đề cần được giải quyết bao gồm:

1. Quyền truy cập và cung cấp dịch vụ
2. Thương mại điện tử
3. Các quy tắc quản lý nội dung
4. An ninh
5. Quyền sở hữu trí tuệ
6. Sự riêng tư cá nhân.

Điều quan trọng đầu tiên là giải quyết vấn đề truy cập và chi phí vì đó mới là điều giúp phổ biến Internet rộng rãi hơn. Việc mở rộng quyền truy cập sẽ giải quyết được hàng loạt các vấn đề liên quan đến tính cập nhật thông tin trong thế giới online so với thế giới offline. Ví dụ nếu một người kiện vì bị lừa khi dùng dịch vụ ngân hàng trên Internet, sẽ có những quy tắc để thu thập các bằng chứng cập nhật và do vậy người đó có thể bị khởi tố dựa trên những bằng chứng thu thập trực tuyến. Có một động cơ về thương mại cho việc giải quyết những vấn đề cơ bản này khi có một sự hoà hợp giữa luật offline và thế giới online. Các vấn đề trong các quy tắc và an ninh trong bảo vệ nội dung sẽ tăng lên do một xu hướng giữa những gì có sẵn và có thể được thực hiện trên Internet đối lập với những gì có sẵn và có thể được thực hiện trên thế giới thực. Rất nhiều quốc gia đã từ bỏ việc kiểm soát nội dung trên

---

<sup>20</sup> See Ang (2005) for a fuller discussion.



Internet, ngoại trừ để bảo vệ trẻ em dưới 12 tuổi. Việc cấp bách hiện nay là phải đưa ra các quy tắc quản lý và bảo vệ nội dung vì rất nhiều người dùng hiện nay đang cảnh giác với Internet vì họ không muốn, ví dụ, vào các trang web khiêu dâm ở nhà hoặc trên máy tính đã bị tin tặc ăn trộm thông tin. Quyền sở hữu trí tuệ và quyền riêng tư càng trở nên quan trọng khi việc sử dụng Internet ngày càng trở nên rộng rãi.

### **Quyền truy cập và cung cấp dịch vụ**

Vấn đề này được đưa ra thảo luận theo như đề mục trên do có liên quan tới việc cung cấp khả năng truy cập Internet. Các vấn đề này bao gồm:

- Làm thế nào để kiểm soát được các tiêu chuẩn trong một môi trường mạng đang hoạt động.
- Làm thế nào để bảo đảm kết nối quốc tế và vấn đề vận hành quốc tế trong một hệ thống máy tính và hệ thống mạng.
- Làm thế nào để quản lý giá cước và chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ thông tin
- Làm rõ trách nhiệm và khả năng trong việc truy cập và sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp, như việc bảo đảm vấn đề truy cập và dịch vụ của các nhà cung cấp đối với nội dung thông tin do bên thứ ba cung cấp.

Vấn đề này là quan trọng vì không có nó, thương mại điện tử sẽ bị ngưng trệ.

#### **Câu hỏi**

Tại một số quốc gia, luật về tội phỉ báng người khác nghĩa là bất kỳ ai làm tổn thương đến người khác thông qua lời nói sai sẽ phải bồi thường. Tại một số quốc gia, mức độ bồi thường sẽ tùy thuộc vào lời phỉ báng là cố ý hay không. Ở một số nước khác, việc cố ý hay không không ảnh hưởng đến vấn đề bồi thường. Tại nước bạn, dựa vào khía cạnh nào, luật pháp trừng phạt tội phỉ báng? Liệu nhà cung cấp nước bạn có bị khởi tố nếu họ tìm thấy lỗi sai?

### **Thương mại điện tử**

Dưới góc nhìn thương mại, thương mại điện tử có rất nhiều thuận lợi. Một công ty kinh doanh thông qua thương mại điện tử mở dịch vụ 24h một ngày đã không cần tới người trung gian và có thể khai thác một thị trường mới. Thương mại điện tử có thể giúp cho việc kinh doanh hiệu quả hơn vì nó đã tự động hoá công việc kinh doanh.

Tuy nhiên thương mại điện tử không thể áp dụng cho mọi ngành nghề. Thương mại điện tử không dành cho những ngành kinh doanh những mặt hàng đắt tiền như đồ nội thất vì người dùng thường muốn kiểm tra những mặt hàng này trước khi mua. Tương tự như vật, một số ngành kinh doanh liên quan đến văn hoá cũng là ngành không thể sử dụng thương mại điện tử.

Việc khai thác thương mại điện tử là việc rất đáng làm vì nó có thể giải quyết rất nhiều vấn đề là trở ngại đối với việc sử dụng Internet nhiều hơn. Các vấn đề sau cần được giải quyết.

- Thừa nhận các vấn đề luật pháp đối với môi trường điện tử
- Chấp nhận rủi ro điện tử
- Thừa nhận được vấn đề giao dịch điện tử
- Thừa nhận vấn đề chữ ký điện tử và các loại giấy chứng nhận điện tử
- Làm rõ quyền lợi, trách nhiệm và sự tin tưởng của các bên, kể cả cơ chế giải quyết tranh chấp.
- Khuyến khích cơ chế thanh toán điện tử và các tính năng của nó.
- Trao quyền cho cảnh sát thi hành luật đối với thương mại điện tử
- Làm rõ vấn đề liên quan đến thương mại điện tử.

Điều này là cần thiết để có thể thông qua một đạo luật liên quan tới thương mại điện tử hoặc giao dịch điện tử. Một bộ luật thế này có thể là cơ sở cho thương mại điện tử.

### **Thừa nhận các bằng chứng điện tử**

Tại rất nhiều các quốc gia, việc thừa nhận các bằng chứng điện tử theo rất nhiều hình thức khác nhau trở nên quan trọng đối với vấn đề mở rộng Internet ra toàn xã

hội trong những năm giữa 1990. Ví dụ, quy định về bằng chứng đã được sửa đổi khi chữ ký điện tử được phát minh. Tại Singapore, quy định này được sửa đổi tại Đạo luật Kinh doanh điện tử năm 1996. Tại Ấn Độ đã được sửa đổi trong Đạo luật công nghệ thông tin năm 2000. Tóm lại, những điều luật mới cập nhật trong thế giới offline để đối phó với thế giới online đã nhanh chóng được cập nhật.

### **Thảo luận**

Miêu tả một vài quy định nhằm thúc đẩy thương mại điện tử tại quốc gia của bạn. Nếu không có những quy định như vậy, hãy đưa ra một số quy định cần phải đưa ra để tăng cường thương mại điện tử tại quốc gia của bạn.

### **Quy định quản lý nội dung**

Một vài người dùng đã đưa ra một số nội dung đang bị phản đối để làm bằng chứng cho việc không sử dụng Internet. Tuy nhiên, những nội dung này chỉ là số ít. Giải quyết vấn đề này cần phải có sự cân bằng trong mục đích sử dụng. Lợi ích chính của việc không có bất kỳ một chương trình lọc nội dung này là một số lượng khổng lồ không giới hạn về thông tin trên Internet. Đôi khi, những chương trình lọc này đã “vượt qua giới hạn” khiến cho những thông tin khác cũng bị chặn.

Một số vấn đề về quản lý nội dung trên Internet cần giải quyết.

- Làm thế nào để chỉ chặn những nội dung bị phản đối trên Internet, đặc biệt là những nội dung cấm trẻ em.
- Làm thế nào để bảo vệ lợi ích quốc gia chống lại những thông tin bất lợi từ bên ngoài.
- Làm thế nào để hoà hợp được những xung đột về văn hoá trong những nội dung về thông tin

### **Những nội dung phạm pháp: Hợp tác toàn cầu**

Do những khác biệt về văn hoá, rất khó có thể đạt được một sự thống nhất toàn cầu về những nội dung bị phản đối. Tuy nhiên, một sự thống nhất rộng rãi về thế nào là

phạm pháp, những gì gây hại. Vấn đề khiêu dâm trẻ em chính là một vấn đề được nhắc tới.

Hợp tác quốc tế thông qua các tổ chức đã được đưa ra trong việc kiểm soát sự lây lan của vấn đề khiêu dâm trẻ em. Các tổ chức kiểm soát việc thực thi luật pháp đã hợp tác với nhau để tiến hành rà soát tệ nạn này. Vào cuối những năm 1990 gần đây, hầu hết những bức ảnh khiêu dâm trẻ em đều được sao chép từ ảnh thật. Nhưng với Internet, các bức ảnh thật về lạm dụng trẻ em đã được truyền qua webcam. Để ngăn chặn việc lạm dụng này, cơ quan cảnh sát đã bắt những kẻ download những bức ảnh này. Một số lượng lớn hồ sơ liên quan trong chiến dịch này đã bị kiểm soát vào năm 1998 (Operation Cathedral) và năm 1999 (Operation Ore) khiến cho hàng trăm người bị bắt ở nhiều quốc gia.

For more information refer to WGIG, *Background Report* (2005), 34 (paragraph 141), <http://www.wgig.org>.

## **An Ninh**

Vấn đề này càng ngày càng được quan tâm nhiều hơn khi sâu, virus và trojan ngày càng trở nên rắc rối hơn.

### **Virus IloveYou**

Một loại virus máy tính nguy hiểm nhất bị phát tán nhanh tới mức các cơ quan chính phủ như Lầu Năm Góc Hoa Kỳ, Cơ quan tình báo CIA và quốc hội Anh đã phải tắt hệ thống thư điện tử của họ để tránh loại virus này. Virus này phát tán với tốc độ chóng mặt bởi nó tự tạo ra một bản sao của chính nó tại các địa chủ thư điện tử tại các hòm danh bạ của người dùng Microsoft Outlook. Vì các thư điện tử này do người quen gửi, người nhận thường mở thư và đã vô tình phát tán tin nhắn.

Mặc dù chi phí diệt virus này là rất với đối với hệ thống máy tính toàn cầu, nhưng chủ nhân phát tán nó đã không bị trừng phạt mặc dù anh ta đã bị phát hiện. Khi virus này phát tán vào tháng 5 năm 2000, chưa có luật về vấn đề chống phát tán virus máy tính tại Philippine, nơi anh ta sống. Vào tháng 6 năm 2000, Luật thương mại điện tử của Philippine, luật đã được thực thi, đã được phê chuẩn. Nó bao gồm các điều khoản phạt về tội phát tán virus.

Nguồn: Peng Hwa Ang, "Policing Asia's Internet," *Asian Wall Street Journal*, 7 September 2000, 8.

Thực chất của vấn đề an ninh bao gồm:

- Làm thế nào để chống lại sự vi phạm trong vấn đề an ninh hệ thống máy tính và mạng
- Làm thế nào để ngăn chặn tội phạm trong môi trường số.

Học phần 6 trong toàn bộ các Học phần của chương trình này là về Hệ thống mạng và quyền riêng tư và an ninh về thông tin.

### **Quyền sở hữu trí tuệ**

Thế giới số có thể tạo một bản sao hoàn hảo từ bản gốc. Không hề có sự khác biệt về chất lượng, giống như trong thế giới mô phỏng. Tuy nhiên, việc tạo ra các bản sao hoàn hảo sẽ tạo ra vấn đề về bản quyền.

Hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ hiện đại do vậy sẽ phải giải quyết các vấn đề sau:

- Làm thế nào để mở rộng hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho cả thế giới số.
- Làm thế nào để yêu cầu, bảo vệ và quản lý các quyền này trong môi trường số.
- Làm thế nào để ngăn chặn việc sao in bất hợp pháp.

### **Quyền sao in âm nhạc**

Âm nhạc là một trong những thứ bị sao chụp bất hợp pháp nhiều nhất trên thế giới. Trong khi việc bán iPod và các loại máy nghe nhạc khác tiếp tục tăng nhanh, thì việc bán các đĩa nhạc ngày càng giảm đi trong vài năm trở lại đây. Vấn đề cung cấp bản quyền sao in sẽ phải thông qua một phần mềm chia sẻ và download nhạc.

ĐỐI LẬP VỚI MỘT QUAN NIỆM SAI LẦM RỘNG RÃI, NHỮNG NGƯỜI CHIA SẺ BÀI HÁT ONLINE SẼ BỊ THEO DÕI VÀ TRUY TỐ. QUAN NIỆM SAI NÀY PHÁT SINH BỞI VỚI PHẦN MỀM CHIA SẺ ÂM NHẠC NHƯ BITTORRENT VÀ LIMEWIRE, NGƯỜI SỬ DỤNG ĐANG DOWNLOAD NHỮNG BÀI HÁT TỪ NHỮNG CÁ NHÂN KHÁC. DO VẬY, MỘT NGƯỜI CÓ THỂ CHUYỂN MỘT BÀI HÁT CHO NHIỀU NGƯỜI KHÁC THÔNG QUA MỘT HÌNH THỨC NHƯ MỘT THỊ TRƯỜNG VIRUS.

Những người sở hữu âm nhạc đã phản đối Hiệp hội công nghiệp thu âm Hoa Kỳ (RIAA), RIAA đã khởi kiện các sinh viên, mặc dù biết họ là những người nghèo, để làm gương cho những nhóm người khác. Một số bản báo cáo cho rằng RIAA đã buộc những sinh viên này phải rời ghế nhà trường để lao động để trả số tiền phạt.

### **Thảo luận**

Hãy chỉ ra những điều luật hoặc các biện pháp bảo vệ quyền tác giả tại quốc gia của bạn. Những biện pháp này có hiệu quả như thế nào trong môi trường số (theo nghĩa khuyến khích sự phát triển trong công nghệ số)

### **Quyền riêng tư**

Hệ thống bảo vệ quyền riêng tư tốt nhất là hệ thống Hướng dẫn bảo vệ số liệu của EU, hệ thống này yêu cầu bên thứ ba có một “mức độ thích hợp” trong việc bảo vệ số liệu trước khi họ đưa những số liệu này ra khỏi EU. Nhưng việc áp dụng hệ thống này đã bị trì hoãn do sự phản đối của chính phủ Mỹ do họ không có một hệ thống tương tự. Mỹ đã đưa ra một biện pháp thay thế “an toàn” mà theo đó những ai làm theo hệ thống của EU được xem như là an toàn và tuân thủ hệ thống này.

Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (OECD) cũng đã đưa ra những chỉ dẫn để bảo vệ quyền riêng tư, nhằm hạn chế những vấn đề liên quan đến quyền riêng tư tại EU.<sup>21</sup>

Vấn đề chính trong các quy định liên quan đến quyền riêng tư là làm thế nào để kiểm soát vấn đề sử dụng các thông tin cá nhân của các tổ chức quốc tế và tư nhân.

### **Tiêu chuẩn Châu Âu**

Tiêu chuẩn Châu Âu về vấn đề quyền riêng tư là rất cao. Một phần của nó là vấn đề yêu cầu rằng những thông tin của EU không được chia sẻ với một quốc gia khác trừ khi quốc gia đó có mức độ bảo vệ nhưng thông tin đó tương đương với của EU. Trên thực tế, có một vài ngoại lệ, như vấn đề về các chuyến bay. Nhưng chính sách

<sup>21</sup> OECD. “OECD Guidelines on the Protection of Privacy and Transborder Flows of Personal Data,” [http://www.oecd.org/document/1/18/0,2340,es\\_2649\\_34255\\_1815186\\_1\\_1\\_1\\_1,00.html](http://www.oecd.org/document/1/18/0,2340,es_2649_34255_1815186_1_1_1_1,00.html).

của EU đã có tác dụng buộc các quốc gia khác phải cập nhật các điều luật bảo vệ thông tin để đạt được tiêu chuẩn của EU.

Không hề có một câu hỏi nào về vấn đề tiêu chuẩn của EU tác động đến chi phí kinh doanh. Một cách dễ hiểu, các doanh nghiệp thường cố gắng đạt được mức tối thiểu trong tiêu chuẩn này.

Chính phủ Hoa Kỳ đã có những cuộc đàm phán từng phần với những điều khoản tương tự mặc dù bề ngoài thì những tiêu chuẩn này do các công ty tự đàm phán. Những điều khoản này của Hoa Kỳ bao gồm các công ty có các tiêu chuẩn bảo vệ số liệu đạt được các tiêu chuẩn theo như chính phủ đã đàm phán thì có quyền gửi và nhận số liệu với EU.

Tại Úc, chính phủ cũng có những nỗ lực cập nhật luật về quyền riêng tư để đạt được mức tiêu chuẩn tương tự như của EU. Tuy nhiên rõ ràng là do những cuộc vận động hành lang của các công ty, các điều luật này đều ở mức thấp và một vài mức bảo vệ là thiếu.

Do vậy, một sự cân bằng giữa các lợi ích kinh tế và tiêu chuẩn bảo vệ của EU là không thể đạt được.

The European Commission's webpages on data protection at [http://ec.europa.eu/justice\\_home/fsj/privacy/index\\_en.htm](http://ec.europa.eu/justice_home/fsj/privacy/index_en.htm) has links to reSources and more information on privacy

## **Kết luận**

Việc tiếp cận các vấn đề liên quan đến Internet như trên đều phải dựa vào các quy tắc quốc tế bởi Internet là vấn đề toàn cầu và không một quốc gia nào có thể bị cô lập khỏi cộng đồng này. Hơn thế nữa, cần phải có sự tham khảo ý kiến từ các thành phần tham gia, như xã hội công nghiệp và xã hội dân sự, và rộng hơn là để giáo dục cho cộng đồng và nhận được bài học từ các vấn đề này.

## **Thảo luận**

Hãy kiểm tra theo thứ tự 6 vấn đề đã nêu ở trên theo trường hợp của quốc gia của bạn. Nếu bạn nhận thấy thứ tự ưu tiên trên là không phù hợp với quốc gia của mình, hãy sắp xếp lại từng vấn đề theo tầm quan trọng của nó với quốc gia của bạn và chỉ ra lý do.

**Tự kiểm tra**

1. Bốn kiểu quy tắc trên Internet bao gồm những gì? Những hạn chế của nó trong việc kiểm soát Internet là gì?
2. Những gợi ý về chỉ dẫn để kiểm soát Internet chỉ là những gợi ý đơn giản. Chỉ ra các bước đi trong từng chỉ dẫn bao gồm những gì?



## **4. PHẠM VI QUẢN LÝ INTERNET II – LẠM DỤNG INTERNET**

**Chương này có mục đích tăng cường nhận thức về những hình thức lạm dụng Internet thông thường và những hành động cần thực hiện để ngăn chặn vấn đề này.**

### **4.1. Điều gì đặc biệt có ở Internet**

Một vài người cho rằng Internet là sự phản chiếu của thế giới thực và do vậy không cần có luật lệ cụ thể dành riêng cho nó. Tuy nhiên, họ đã không đề cập đến một số tính năng đặc biệt của Internet.

Đầu tiên, Internet khiến người ta có thể ẩn danh một cách dễ dàng hơn. Để chắc chắn vấn đề này, cần phải có luật bắt buộc để kiểm soát người dùng. Nhưng để thực hiện điều này cần phải có những nỗ lực đặc biệt. Mặt mạnh của việc ẩn danh là nó khiến cho các cuộc đối thoại mở và thẳng thắn hơn, nhất là trong những trường hợp nói chuyện về tư vấn sức khỏe. Tuy nhiên, việc ẩn danh này có thể là vỏ bọc cho một hình thức tội phạm.

Thứ hai, sẽ xảy ra tình trạng hỗn loạn không có luật pháp trên Internet và điều này đã được miêu tả cụ thể trong cuốn “Tuyên bố về tự do của Không gian ảo” của tác giả John Perry Barlow.

Các chính phủ trong thế giới công nghiệp, các ngài không còn quan tâm đến thịt và sắt thép nữa. Tôi đến từ Không gian ảo, một ngôi nhà mới của tinh thần. Nhân danh tương lai, tôi yêu cầu những người của quá khứ như các ông hãy để mặc chúng tôi. Các ông không được chào đón ở thế giới của chúng tôi. Các ông không có chủ quyền ở nơi chúng tôi tập hợp lại.<sup>22</sup>

Lời tuyên bố này dĩ nhiên là vô vọng và không thể thành sự thật và tạo ra một sự hiểu nhầm về luật pháp: Luật pháp không chi phối một địa điểm mà là con người ở địa điểm đó. Vì chúng ta là con người, và luôn cần luật pháp để giải thích rõ ràng về quyền lợi và cần phải hành động một cách hài hòa để làm giảm xung đột trong xã hội.

---

<sup>22</sup> John Perry Barlow, “A Declaration of the Independence of Cyberspace” (8 February 1996), <http://homes.eff.org/~barlow/Declaration-Final.html>.

Thứ ba, như chúng ta đã biết, Internet là một công cụ quyền lực cho vận hành mạng. Điều đó, như đã được minh họa rõ ràng đối với các mạng xã hội như MySpace và Facebook, được biết tới hiện nay là mạng Web 2.0. Với Web 2.0, cho đến nay vẫn là một nơi để những nhóm người có thể tập hợp lại và trở thành một mạng toàn cầu. Một ví dụ là trang barefooters.org, các thành viên của mạng này thường đi chân đất, trừ trong một vài dịp lễ chính thức. Vào năm 1999, mạng này chỉ có khoảng 400 người trên toàn thế giới. Tới năm 2007, con số này đã lên đến 2000 người ở nhiều quốc gia. Trên toàn cầu, hiện họ đã có một nhóm người đủ lớn để có logo riêng của mình.

Tương tự như vậy, mạng Internet đã tập hợp những người có cùng sở thích lại với nhau, như ví dụ trên.

## **4.2 Lạm dụng Internet**

### **Khiêu dâm trẻ em**

Ban đầu, khiêu dâm trẻ em bao gồm những nội dung từ trên bản cứng sang trên bản mềm. Nhưng khi công nghệ bị khai thác, nó trở nên dễ dàng để có được “khiêu dâm theo yêu cầu” theo đó trẻ em sẽ bị ép buộc theo nhu cầu.<sup>23</sup>

Hợp tác quốc tế về vấn đề này là cần thiết để phá các nhóm tội phạm về khiêu dâm trẻ em. Việc tấn công bất ngờ cùng lúc giữa tất cả các quốc gia và chia sẻ thông tin theo như trong bản hành động Operation Cathedral năm 1999 và Operation Ore năm 2002 đã được Cảnh sát quốc tế kiểm soát hướng dẫn<sup>24</sup>. Hợp tác quốc tế trong vấn đề này là cấp thiết bởi khiêu dâm trẻ em là một trong những vấn đề đạt được sự nhất trí cao trên toàn thế giới để ngăn chặn hành động tội ác này.

### **Sự lừa đảo mua bán trên mạng**

Mạng Internet đã cho thấy rằng các bộ luật trong cuộc sống thực đôi lúc cần phải thay đổi cho phù hợp với nền kinh tế mới. Luật bán đấu giá là một ví dụ. Ở một số nước thuộc khối Thịnh Vượng chung, bán đấu giá cần thể chấp bằng tài sản với ủy quyền của người phụ trách đấu giá. Rất tiếc, là những điều luật này đều quá lỗi thời.

---

<sup>23</sup> Ethel Quayle and Max Taylor, *Child Pornography: An Internet Crime* (New York: Brunner-Routledge, 2003).

<sup>24</sup> See Ang (2005)

Ví dụ, những người bán đấu giá trên eBay sẽ luôn phải kiểm tra họ có được ủy quyền hay không. Tuy nhiên, cơ sở hợp lý cho bộ luật này trở nên rõ ràng một cách nhanh chóng một khi bộ luật được cải cách dành cho bán đấu giá điện tử: Tội lừa đảo bán đấu giá trên mạng trở thành một loại lừa đảo trên mạng phổ biến nhất.

Lừa đảo mua bán trên mạng là một hình thức khác xảy ra ở những nơi không có những thỏa thuận toàn cầu. Việc đàn áp thẳng tay những kiểu lừa đảo này sẽ tăng cường tính thiết thực của Internet. Kể từ năm 1996, đã có những vụ rà soát hàng năm trên Internet về những vụ lừa đảo mua bán trên mạng. Số lượng các quốc gia tham gia rà soát ngày càng tăng<sup>25</sup>

### **Rà soát vấn đề mua bán trên mạng hàng năm**

Gần 40 quốc gia đã cùng hợp tác để giải quyết vấn đề lừa đảo mua bán trên mạng theo Hệ thống tăng cường và bảo vệ người tiêu dùng quốc tế (ICPEN). Hệ thống này tổ chức Ngày quốc tế rà soát Internet hàng năm để truy tìm các trang web bị tố cáo. Nói riêng, các vụ rà soát này nhằm vào các vụ lừa đảo và gian lận.

Phải chú ý rằng những vụ rà soát này cũng tương tự như luật để bảo vệ người tiêu dùng. Do vậy ở những quốc gia phát triển hoạt động tích cực hơn.

### **Câu hỏi:**

Những điều luật chống lại khiêu dâm trẻ em và lừa đảo buôn bán trên mạng có hiệu quả như thế nào tại quốc gia của họ.

### **Thư rác, lừa đảo, mã độc, phishing**

Một vấn đề đang ngày càng ảnh hưởng tới vấn đề chính trị và thương mại là thư rác và thư quảng cáo thương mại. Đó là do thư rác ảnh hưởng tới đường truyền. Quan trọng hơn, nó ảnh hưởng tới vấn đề an ninh mạng khi hiện nay, thư rác có thể mang các mã độc và liên quan đến phishing, vấn đề này liên quan đến chuyện lừa

---

<sup>25</sup> See Ang (2005).

đảo và yêu cầu cung cấp các thông tin cá nhân như tên, mật khẩu và thông tin tài khoản, bằng các giả mạo các thông tin đáng tin cậy trong việc liên lạc điện tử.<sup>26</sup>

Do các máy chủ đặt tại các trường đại học, Internet được bắt đầu với 1 nguồn gốc mở và đáng tin cậy. Vào thời kỳ đầu, khi người sử dụng ( phần lớn là thuộc các trường đại học của Mỹ) gửi các tin nhắn tới các địa chỉ email của người khác, họ thường để lại số điện thoại sau chữ ký của mình, một dấu hiệu chứng tỏ thư đó là gửi từ họ. Hiện tại, do việc sử dụng Internet một cách rộng rãi, đưa số điện thoại của bản thân trong một địa chỉ thư có thể khiến cho email bị tấn công.

Thư rác đầu tiên được gửi bởi phòng đại diện Marketing của Tập đoàn thiết bị số (DEC), tập đoàn sản xuất máy tính mini sử dụng cho Internet. Đó là một tin nhắn mang tính chất thương mại nhằm quảng cáo cho sản phẩm. Người sử dụng đã chấp nhận và việc này không bị coi như gửi thư rác, không giống như hiện tại, khi mà thư rác khó có thể được chấp nhận.<sup>27</sup>

Trong khi hiện nay, phần lớn thư rác là thư rác điện tử, vấn đề này được coi tương tự như vấn đề lạm dụng internet hiện nay trên phương tiện thông tin đại chúng khác như tin nhắn, quảng cáo trên Internet, tìm kiếm thông tin trên web, blog, wikis, tin nhắn điện thoại và trò chơi. Trên thế giới, thư nhắn rác hiện nay là thư điện tử được gửi tự động, được định nghĩa là một loại thư được gửi một cách rộng rãi đến các địa chỉ email mà người nhận không muốn nhận. Thư rác do vậy trở thành vấn đề của việc gửi chứ không phải là vấn đề của nội dung.<sup>28</sup> Điều này có nghĩa là các điều luật về thư rác phải giải quyết vấn đề gửi thư chứ không phải là nội dung thư.

### **Thư nhắn rác khi nào thì dừng lại**

Bộ luật đầu tiên liên quan đến vấn đề thư rác đã được đưa ra ở Hoa Kỳ là Đạo luật CAN-SPAM năm 2003. Tên đầy đủ của nó là Đạo luật Controlling the Assault of Non-Solicited Pornography and Marketing. Đạo luật này trao quyền hợp pháp cho từng công dân và dùng để truy tố những tổ chức chuyên gửi tin nhắn tại Hoa Kỳ. Đạo luật được kiểm định lại vào năm 2005 và không có một thay đổi đáng kể nào. Tuy nhiên, mức độ gửi thư rác ở Hoa Kỳ ngày càng tăng khiến cho nước này xếp

<sup>26</sup> Wikipedia, "Phishing," Wikimedia Foundation, Inc., <http://en.wikipedia.org/wiki/Phishing>.

<sup>27</sup> Brad Templeton, "Reaction to the DEC Spam of 1978," <http://www.templetons.com/brad/spamreact.html>.

<sup>28</sup> Spamhaus, "The Definition of Spam," <http://www.spamhaus.org/definition.html>.

hạng thứ 1 hoặc thứ 2 về mức độ gửi tin rác toàn cầu. Trung Quốc và Hàn Quốc cũng nằm trong thứ hạng cao.

Vấn đề thư rác đang thâm nhập ngày càng sâu vào thế giới Internet, như với trường hợp của Hàn Quốc, và ở những nơi luật pháp và xử phạt yếu kém như ở Trung Quốc.

A coalition of business and regulators are addressing spam under the London Action Plan (<http://www.londonactionplan.org>) as well as the Stop Spam Alliance (<http://stopspamalliance.org>). Their respective websites have more detailed information about spam as well as updates on best practices and activities

### **Cyberbullying, Cyberstalking, nhận dạng trộm cắp và chứng nghiện Internet.**

Sự đe dọa của các vấn đề này nảy sinh do mạng Internet. Điều đó có nghĩa là các vấn đề này tăng lên tỷ lệ thuận với thời gian dành cho Internet. Cyberbullying là sự quấy rầy từ 1 trẻ vị thành niên tới 1 trẻ vị thành niên khác thông qua Internet và các phương tiện thông tin điện tử khác. Thông thường, nó liên quan đến việc gửi những tin nhắn làm nhục và lăng mạ người khác. Nếu sự quấy rầy này là do 1 người thành niên làm, nó được gọi là cyberharassment.

Cyberstalking là việc sử dụng Internet hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác để theo dõi nạn nhân. Nó thường đi kèm với theo dõi trong cuộc sống thực nhưng nó cũng có thể mở đầu cho một vụ theo dõi như vậy.

Nhận dạng trộm cắp liên quan đến việc sử dụng các thông tin cá nhân vì một mục đích kiếm lợi hoặc để tránh việc bắt buộc nào đó. Những ví dụ thông thường bao gồm việc sử dụng các thông tin cá nhân của nạn nhân để đăng ký thẻ tín dụng.

Sự nguy hiểm từ những sự trộm cắp này là rất nghiêm trọng, ví dụ như trong trường hợp một người theo dõi đã giết hại một nạn nhân nữ mà anh ta theo dõi. Giải pháp ở đây nằm ở việc thông qua luật để trừng phạt họ.

Đối với trường hợp nghiện Internet, một trường hợp sử dụng quá nhiều Internet gây ảnh hưởng xấu đến việc học hành hoặc làm việc. Hàn Quốc là một ví dụ cho vấn đề này.

### **Giải quyết vấn đề nghiện Internet**

Nghiện Internet đang ngày càng được quan tâm. Một số người nghiện có thể dùng từ 17 đến 18 tiếng mỗi ngày cho Internet. Các quốc gia được báo cáo là càng ngày

càng có người nghiện Internet bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan. Việc có nhiều trường hợp nghiện Internet ở các quốc gia Châu Á đã đưa ra một câu hỏi rằng liệu có phải khía cạnh văn hóa đã ảnh hưởng đến vấn đề này hay không. Nhiều nghiên cứu đã được tiến hành để kiểm tra liệu có phải việc không quản lý chính là sự thể hiện của việc ép buộc không có khuôn khổ.

The Wikipedia entry on "Internet addiction disorder" ([http://en.wikipedia.org/wiki/Internet\\_addiction\\_disorder](http://en.wikipedia.org/wiki/Internet_addiction_disorder)) gives a reasonably balanced account for the arguments for and against the phenomenon being a true addiction.

### **Thảo luận**

Hãy đưa ra một đánh giá tạm thời về mức độ nhận thức thư rác, lừa đảo, phishing, cyberbullying, cyberstalking, nhận dạng trộm cắp và nghiện Internet trong cơ quan của bạn, trong chính phủ nước bạn và trong toàn xã hội. Trích dẫn một số bằng chứng hoặc lý do cho những đánh giá đó.

### **Quyết tâm chính trị**

Đấu tranh với việc sử dụng Internet tiêu cực cần phải có sự tham gia của chính trị. Đầu tiên, những hành động này phải được đánh giá là bất hợp pháp tại quốc gia đó. Ở một vài quốc gia, luật bảo vệ người tiêu dùng rất yếu kém khiến cho các hình thức xử phạt là không khả thi hoặc không hiệu quả. Thứ hai, sẽ phải có quyết tâm chính trị để có sự hợp tác về vấn đề này trên phương diện quốc tế. Vụ lừa đảo 419 Nigerian vẫn đang tiếp tục do không có bất kỳ một cường chế nào từ phía chính phủ để giải quyết. Hậu quả là việc giảm lòng tin vào thương mại điện tử ở Nigerian.

### **Chi phí hay Sự lừa đảo 419 Nigerian**

Không may rằng tại Nigerian, một quốc gia nằm ở cuối bảng chỉ số tham nhũng toàn cầu, đã thường xuyên xảy ra một vụ lừa đảo trực tuyến do việc cung cấp các mã độc tội phạm. Vụ lừa đảo 419 Nigerian là vụ lừa đảo phải trả giá đắt bằng tiền, khi mà nạn nhân phải gửi một số tiền để mong nhận lại một số tiền lớn hơn.

Một thư điện tử sẽ được gửi tới nạn nhân với một quỹ tiền mà anh ta không thể nhận được nếu không có sự giúp đỡ. Quỹ tiền này có thể đến từ số tiền thừa kế của một đứa trẻ mồ côi, một tài khoản ngân hàng không sinh lợi hoặc thậm chí từ một

khoản hồi lộ. Bất cứ ai mắc bẫy sẽ bị yêu cầu gửi ngày càng nhiều tiền để giải quyết những vấn đề khó khăn không lường trước được.

Do một số tiền lớn liên quan đến vụ lừa đảo này, nên một số nhân viên điều tra đã phải hợp tác với các quan chức chính phủ. Một số người này đã đến Nigeria để điều tra nhưng đều mất tích hoặc bị ám sát.

Wikipedia's entry on "Advance Fee Fraud" ([http://en.wikipedia.org/wiki/Advance\\_fee\\_fraud](http://en.wikipedia.org/wiki/Advance_fee_fraud)) summarizes the history of the scam and also details its variants. A website run by an American electronics company (<http://home.rica.net/alphae/419coal/>) offers advice on what to do when one receives such an e-mail scam.

### 4.3 Thương phạt

Bất kỳ việc thảo luận về việc quản lý Internet đều liên quan đến vấn đề thi hành luật lệ. Nếu không có sự ép buộc, các điều luật này cũng chỉ ở mức ý tưởng. thậm chí tồi tệ hơn chúng chỉ là những thứ bị chế nhạo. Đề mục này sẽ đề cập đến những sự trừng phạt nào được ứng dụng để có thể thi hành luật trên Internet.

### Các quy tắc Cybercommunity: Nghi thức mạng và sự thưởng phạt trong cộng đồng mạng

Cybercommunity sẽ phải có nghi thức mạng, quy định và các quy tắc của riêng nó. Trong một trường hợp cụ thể, một hình thức thưởng phạt trong cộng đồng một cách quá khắc nghiệt sẽ bị cô lập hoặc loại bỏ. Điều này đã xảy ra trong một trường hợp khá nổi tiếng với Tên Bungle "đáng ghét", người đã cưỡng dâm hai người chơi cùng trong 1 trò chơi trên mạng. Hắn ta đã bị cô lập và thậm chí phải rời bỏ trò chơi đó.<sup>29</sup>

### Cưỡng dâm trên Cyberspace

Cộng đồng online đã tồn tại trước cả sự hiện diện của Internet. Cộng đồng này chỉ là một cộng đồng nhỏ và mọi liên lạc đều thông qua chữ viết. Nó cũng tương tự như một trò chơi trực tuyến với nhiều người chơi, nó được coi là khởi đầu của những trò chơi hiện đại như hiện nay với nhiều người chơi như trò World of

<sup>29</sup> Julian Dibbell, "A Rape In Cyberspace," *The Village Voice*, 23 December 1993, [http://www.juliandibbell.com/texts/bungle\\_vv.html](http://www.juliandibbell.com/texts/bungle_vv.html).

Warcraft. Với một trò chơi kiểu này như LambdaMOO, một người chơi tên là Bungle đã sử dụng một chương trình cho phép anh ta xuất hiện khi có một dòng chữ nào đó đến từ những người chơi khác. Trong số những hành động mà tên Bungle miêu tả, có những hành động khiêu dâm giữa những hình nộm mà hắn ta điều khiển với những hình nộm khác. Những hành động này xuất hiện hàng giờ đồng hồ đã ảnh hưởng tới nghi thức cộng đồng mạng.

Một vài ngày sau đó, những người chơi LambdaMOO đã cùng thảo luận trên mạng về việc đưa ra những hình phạt chống lại tên Bungle. Sau buổi thảo luận, một người viết chương trình chuyên nghiệp đã quyết định đơn phương chấm dứt tài khoản account của tên Bungle. Kể từ đó, những người chơi LambdaMOO đã đưa ra một chương trình loại bỏ những người chơi phá hoại cộng đồng của họ.

Tuy nhiên, những hành động trừng phạt như vậy là rất hiếm xảy ra bởi rất khó có thể có được sự thống nhất thế nào là một hành động sai, thống nhất về mức độ “sai trái” và mức độ trừng phạt. Tuy nhiên, hình phạt bị cô lập khỏi cộng đồng có vẻ không có hiệu quả đối với một số người. Tóm lại, hình phạt của cộng đồng có hiệu quả nhưng chỉ trên một vài phương diện hạn chế.

### **Tự giúp mình**

Trong một vài trường hợp bên được pháp luật bảo vệ phải sử dụng đến hình thức tự giúp mình. Ví dụ, những người sở hữu bản quyền thường xuyên phải tự bảo vệ bản quyền của mình khỏi những người xâm phạm bằng cách copy và hơn nữa để buộc các luật lệ phải được thực thi. Điều đó có nghĩa là vấn đề điều tra và thực thi luật lệ là do người sở hữu bản quyền tự thực hiện chứ không phải do nhà chức trách mặc dù các điều luật về quyền sao in là do luật pháp quy định.

Năm 2000, Ủy ban Olympic Sydney đã thuê một công ty tư nhân là Copyright Control Services để kiểm soát các thông tin từ các trang web không được ủy quyền đưa thông tin về Olympic trên Internet. Lý do là quyền đưa tin về kết quả đã được bán cho nhà thầu trả giá cao nhất lên tới 200 triệu USD và bất kỳ việc rò rỉ thông tin về kết quả nào cũng gây thiệt hại cho bên trúng thầu. Khoảng 60 người đã “kiểm soát” Internet một cách thành công trong việc kiểm tra việc thông báo thông tin kết quả trên một diện rộng. Một hãng truyền hình ở Nga, Moscow TV6, đã nỗ



lực thỏa thuận cho việc tự do thông tin khi họ đưa ra một video trên Internet. Nhưng kênh Moscow TV6 đã phải tạm ngừng thông tin bởi nếu tiếp tục, Video này sẽ bị buộc phải ngừng phát sóng<sup>30</sup>. Kể từ đó, kênh thông tin này đã bị kiểm soát việc phát tin về Olympic mà Đông và mùa hè.

## **Luật quốc tế**

Đã có những thảo luận về việc phát triển luật quốc tế để tăng cường kiểm tra và khởi tố tội phạm trên Internet. Điều quan trọng là, những điều luật như thế này sẽ tạo ra một mẫu chuẩn, để truy tố và mang tính bắt buộc chống lại tội phạm. Đã có sự hợp tác quốc tế trong vấn đề này nhưng rất ít quốc gia quan tâm đến nó.

Hội đồng Thỏa thuận Châu Âu về vấn đề tội phạm mạng là một nỗ lực của khu vực này trong vấn đề tội phạm. Vì Châu Âu là khu vực có nhiều thay đổi bất ngờ, thỏa thuận này phải có một mạng lưới rộng lớn hơn. Thỏa thuận này cũng nhằm cân bằng nhu cầu về tự do thông tin.

### **Hiệp định Thỏa thuận Châu Âu về vấn đề tội phạm mạng**

Để có luật hiệu quả, các cơ quan làm luật cần phải xem xét các điều không ràng buộc theo đó Internet có thể vượt qua được các ranh giới và luật pháp. Điều này có nghĩa là trừ phi các tổ chức thực thi luật cùng hợp tác để thi hành các quy tắc mang tính toàn cầu, còn không thì nó sẽ không đối phó nổi với các loại tội phạm mạng.

Tuy nhiên, cộng đồng Internet lại cảnh giác với luật pháp. Trên Internet, có một luật lệ là “hầu hết mọi thông tin đều chia sẻ”, đó là nơi tự do thể hiện. Do vậy cũng có những lo ngại rằng khi Internet là nơi thể hiện mọi thứ, luật pháp sẽ kiềm chế sự phát triển của nó.

Hiệp định Thỏa thuận Châu Âu về vấn đề tội phạm mạng đang nỗ lực để giải quyết các vấn đề này. Hội đồng Châu Âu bao gồm hầu hết các quốc gia ở Châu Âu. Nó còn có nhiều thành viên hơn cả Liên Minh Châu Âu. Hội đồng Châu Âu đã đưa ra các Hiệp ước để các nước thành viên có thể phê chuẩn hoặc không, trong khi EU

<sup>30</sup> “Violators caught as Olympic video monitored on Internet,” *CNN*, 22 September 2000, <http://edition.cnn.com/2000/TECH/computing/09/22/olympics.netpolice.ap/index.html>.

ban hành các tuyên bố rằng các nước thành viên của họ phải chuyển sang luật nội địa.

Vì có một số lượng lớn (hơn 50) quốc gia tham gia, việc phát triển các Hiệp ước về tội phạm mạng đã nảy sinh rất nhiều vấn đề. Nhưng do Hội đồng Châu Âu là một tổ chức khu vực, có nền văn hóa tương đồng nên vấn đề căng thẳng trong đàm phán Hiệp ước đã được thu hẹp lại nhiều. Do vậy, Các quốc gia có thể đồng thuận về mặt cơ bản của Hiệp ước và có thể tham gia từng phần hoặc không tham gia. Khả năng để ngỏ trong việc tham gia Hiệp ước là để cho Nghị viện các nước có quyền chọn lựa tham gia hay không. Đối lập lại điều đó, các quy định đưa ra ở Nghị Viện Châu Âu phải được coi là luật quốc gia và phải được thực thi.

Các quy tắc của Hội đồng Châu Âu là tạo một thế cân bằng trong các vấn đề khác nhau. Hiệp định về tội phạm mạng đã được đàm phán quốc tế qua vài vòng, với sự tham gia của các tổ chức như Hội liên hiệp về quyền tự do dân chủ Mỹ với vấn đề đấu tranh cho quyền tự do ngôn luận. Hiệp định có hiệu lực từ tháng 7 năm 2004. Đây là hiệp định mở, nó cho phép các quốc gia không thuộc Hội đồng Châu Âu tham gia. Đến tháng 1 năm 2007, Hiệp định này có hiệu lực tại Hoa Kỳ.

For more information, please refer to Council of Europe, "Cybercrime: a threat to democracy, human rights and the rule of law," [http://www.coe.int/t/dc/files/themes/cybercrime/default\\_en.asp](http://www.coe.int/t/dc/files/themes/cybercrime/default_en.asp).

Một cơ chế khả thi khác nhận được sự nhất trí của quốc tế là một liên minh trong Diễn đàn quản lý Internet. Liên minh này là một nhóm liên kết lỏng lẻo giữa những người có cùng sở thích quanh một vấn đề nào đó. Một Diễn đàn về chống thư rác đã được thành lập.

### **Liên minh chống thư rác**

Vấn đề thư rác là một kiểu quảng cáo thông thường không được ưa chuộng, chi phí cho kiểu quảng cáo này đa phần do người nhận chứ không phải người gửi chi trả. Rất nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng phần lớn lưu lượng thư điện tử trên mạng là thư rác quảng cáo.

“Hình thức đầu tiên” của thư rác chứa các thông tin làm phiền người sử dụng đã bị hệ thống lọc loại bỏ gần hết. Nhưng hiện nay, có nhiều hình thức mới hơn của thư rác. Hơn nữa, thư rác hiện nay chứa nhiều phần mềm nguy hiểm và tự động chạy

mà người dùng không biết. Máy tính sẽ bị truy cập và quản lý để gửi tiếp thư rác. Ví dụ, thư rác có thể chứa mã độc để ăn cắp mật khẩu và các thông tin nhạy cảm. Sự tinh vi và mức độ trải rộng của vấn đề này khiến cho nhiều nhóm tội phạm liên quan đến nó.

Đây là trò chơi mèo đuổi chuột, với những chiêu thức ngày càng tinh vi của những kẻ gửi thư rác chống lại những hình thức ngăn chặn khi những chiêu thức cũ bị kiểm soát. Để chia sẻ những kinh nghiệm và sáng kiến thương mại, Liên minh chống thư rác đã được thành lập tại Diễn đàn quản lý Internet. Liên minh này tập hợp các nhóm liên quan đến vấn đề này. Nhóm này tự gọi mình là Liên minh chống thư rác.

### **Câu hỏi**

Quốc gia của bạn tham gia vào vấn đề hợp tác quốc tế để giải quyết vấn đề lạm dụng Internet trên các khía cạnh nào?

### **Kết luận**

Không hề có câu hỏi nào về năng lực tiềm tàng của Internet trong việc biến nó thành một phương tiện truyền thông mạnh nhưng cũng có thể dùng cho những mục đích xấu. Không có nghi ngờ gì về sự cần thiết phải có những quy định quản lý mặt trái của Internet.

Khó có thể có sự thống nhất để có một định nghĩa thế nào là một sự tấn công toàn cầu, chỉ có những thành công hạn chế trong việc xử lý những mối đe dọa và nguy hại trên Internet. Thành công được ghi nhận nhiều nhất là trong lĩnh vực lừa đảo người tiêu dùng và lạm dụng tình dục trẻ em.

Để có cơ sở ban hành luật pháp và buộc các nước phải thi hành, việc cấp thiết đầu tiên là có một sự thống nhất quốc tế. Hiệp định Thỏa thuận Châu Âu về vấn đề tội phạm mạng có thể là cơ sở ban đầu cho những Hiệp định và hợp tác trong tương lai.

### **Tự kiểm tra**

1. Những khó khăn gì mà các cơ quan thi hành luật phải đối mặt khi kiểm soát vấn đề tội phạm trên mạng Internet
2. Cộng đồng toàn cầu đã đồng ý kiểm tra những loại tội phạm nào trên mạng.
3. Những loại tội phạm mới nào được phát hiện nhờ vào Internet
4. Có những hình phạt nào đối với những loại tội phạm trên Internet.

## 5. NHỮNG VẤN ĐỀ CHỒNG CHÉO GIỮA INTERNET VÀ THẾ GIỚI NGOÀI INTERNET

Chương này có mục đích nâng cao nhận thức về những vấn đề chồng chéo giữa Internet và thế giới ngoài Internet ở một vài khía cạnh chính liên quan đến chính phủ và nền kinh tế, và trên phương diện nội dung. Nó cũng đề cập đến việc tăng cường nhận thức về việc cần thiết phải có một quy tắc thoả đáng về vấn đề này.

Internet đang có một ảnh hưởng đến thế giới offline. Vậy liệu thế giới offline có thể có những thay đổi để có một sự tương đồng với thế giới Online hay không? Hoặc liệu các quy tắc ở thế giới offline có thể được áp dụng trong thế giới online hay không? Có lẽ câu trả lời sẽ nằm trong những ý kiến dưới đây.

### 5.1 Chính sách cạnh tranh

Càng về sau này, việc truy cập Internet càng có tính cạnh tranh. Điều đó có nghĩa là một sự đổi mới trong lĩnh vực truyền thông, nói rõ hơn là khi lĩnh vực này độc quyền hoặc trên thực tế, được kiểm soát độc quyền. Sự tự do trong lĩnh vực này đã khiến cho chất lượng dịch vụ ngày càng được tăng cường trong khi giá lại giảm. Giá thấp đã dẫn đến việc thâm nhập ngày càng tăng của Internet. Và đối với trường hợp băng thông rộng, giá thấp đã khiến cho Internet được sử dụng nhiều hơn. Lý thuyết trò chơi chỉ ra rằng một lĩnh vực phải có ít nhất 3 nhà cung cấp mới có khả năng cạnh tranh một cách hiệu quả.

#### **Sự đổi mới trong lĩnh vực viễn thông và chi phí sử dụng Internet**

Người ta cho rằng, một lý do khiến cho việc sử dụng Internet ở Mỹ tăng lên là do sự đổi mới trong lĩnh vực viễn thông. Do vậy, Internet phụ thuộc vào những kết nối viễn thông ở khoảng cách xa. Cạnh tranh chính là lý do giảm giá. Tác động của sự đổi mới là rất rõ ràng tại Hoa Kỳ, đó là lý do dẫn đến việc đổi mới: việc sở hữu một website tại Hoa Kỳ rẻ hơn bất cứ nước nào khác. Nó dẫn đến một vòng quay rằng kinh tế phát triển sẽ kéo theo giá được giữ ở mức thấp.

Các nghiên cứu chỉ ra rằng viễn thông đòi hỏi một sự đàn hồi tương đối. Điều đó có nghĩa là việc giảm giá x phần trăm nào đó sẽ dẫn đến việc tăng lượng sử dụng một

con số lớn hơn x. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng cho phép sự cạnh tranh trong vấn đề trong viễn thông ở một khu vực sẽ dẫn đến việc thâm nhập sâu hơn của Internet.

Pháp, Nhật và Hàn Quốc đã tăng cường việc sử dụng băng thông rộng thông qua một chính sách cạnh tranh tốt. Hàn quốc có lưu lượng sử dụng băng thông rộng lớn nhất thế giới. Họ có một chính sách cho phép các công ty tham gia tự do vào lĩnh vực viễn thông kể từ những năm 80 của thế kỷ trước. Trường hợp của Pháp và Nhật cũng là một bài học khi tỉ lệ sử dụng không cao cho đến năm 2005. Kể từ đó, các chính sách ủng hộ cạnh tranh đã khiến cho giá giảm và việc sử dụng Internet tăng lên đáng kể.

## **5.2 Vấn đề kiểm duyệt và tự do thể hiện**

Vấn đề kiểm duyệt của nhà nước và các tổ chức tư nhân luôn diễn ra trên toàn thế giới. Như đã nói ở trên, vấn đề cân bằng giữa lợi ích cá nhân và các quy tắc quốc tế trong vấn đề ít hoặc không kiểm duyệt Internet. Việc cấm hàng loạt các trang web đã vấp phải sự phản đối của cộng đồng Internet. Giải pháp hiệu quả và được chấp nhận chỉ là người dùng phải lọc thông tin. Các phần mềm lọc thông tin sẽ do người dùng tự cài đặt. Nhưng một điều dễ nhận thấy là các bậc cha mẹ thường không hiểu bằng lớp trẻ trong việc cài đặt và sử dụng các chương trình lọc này.

### **Bộ lọc tự đánh giá tự nguyện**

Năm 1999, Tổ chức Bertelsmann đã thành lập một nhóm để phát triển một hệ thống lọc nội dung trên Internet một cách miễn phí và dựa trên văn hoá và không ảnh hưởng đến quyền tự do ngôn luận. Nhóm này bao gồm các nhà nghiên cứu, các nhà làm luật và những người ủng hộ tự do ngôn luận. Đó là tiền thân của Tổ chức đánh giá nội dung trên Internet.

Nhóm này đưa ra ý tưởng rằng: bậc cha mẹ khi click vào tên quốc gia của họ, sau đó click vào hệ thống bộ lọc (theo cách nói của hệ thống nhà thờ công giáo), và sau đó trang web nào đó sẽ bị lọc bỏ. Đối với hệ thống bộ lọc, trang web sẽ được phân chia theo ngôn ngữ, sự nguy hiểm và khiêu dâm và cả khi nó chứa những nội dung bị phản đối ( nhưng không bắt hợp pháp) như rượu. Có tổng cộng khoảng 40 kiểu dán nhãn phân chia như vậy.

Tuy nhiên, cuối cùng thì Tổ chức đánh giá nội dung trên Internet cũng không đạt được mục đích cao như họ đặt ra. Đầu tiên là sự phản đối từ cộng đồng những người theo chủ nghĩa tự do như Trung tâm Dân chủ và Công nghệ Hoa Kỳ (ICRA). Những trang web chấp nhận tự dán nhãn phân chia đã thay đổi ý kiến khi họ nhận ra rằng họ bị xem như đã bị loại bỏ trong chế độ kiểm duyệt. Thứ hai, liên quan đến vấn đề phục vụ cho tự do ngôn luận, các trang web buộc phải tự dán nhãn kiểm duyệt. Việc đó gây trở ngại cho sự phát triển của một loạt trang web then chốt tự nguyện dán nhãn kiểm duyệt. Nếu không có các trang web này, những người sử dụng bộ lọc sẽ ngừng sử dụng bộ lọc một cách thường xuyên hơn. Thứ ba, các bộ lọc này chỉ hoạt động tốt khi được cài đặt vào trình duyệt. Khi phương pháp này của ICRA đã sẵn sàng hoạt động, cuộc chiến giữa các trình duyệt web đã nổ ra và Microsoft đã chiến thắng. Cho tới nay, trình duyệt của Microsoft năm 2000 đã có một hệ thống lọc cơ bản. Cuối cùng, theo như kinh nghiệm trong một số hệ thống dán nhãn tương tự ví dụ như V-chip tại Hoa Kỳ với một hệ thống lọc các nội dung bạo lực trên TV, không hề có một yêu cầu nào từ người sử dụng hoặc người sử dụng đã không tuyên bố về việc cần thiết phải có một hệ thống bộ lọc như vậy.

Năm 2007, ICRA đã tham gia vào Học viện truy cập mạng an toàn trong gia đình.

Do người thành lập trực tiếp tham gia vào ICRA với tư cách là một thành viên, vấn đề trên đã được thuật lại chi tiết. Cuốn sách mang tên Xấp xếp sự hỗn độn đã nói một số chi tiết về ICRA trong chương “ Vấn đề kiểm duyệt và các quy định về nội dung trên Internet”.

Một khía cạnh tiếp cận khác để cài đặt bộ lọc cho máy chủ đã được phân phối đến người sử dụng như một dịch vụ giá trị gia tăng đặc biệt. Chi phí được trả để cập nhật và duy trì một loạt các trang web bị chặn. Đó là một bộ lọc mà mọi người sử dụng cảm thấy không khả thi khi phải đi theo đường vòng. Tuy nhiên, sự bất lợi là đôi lúc việc chặn một cách quá mức một trang web nào đó và rất khó có thể bỏ chặn những trang web bị chặn sai.

## **Thảo luận**

1. Nêu các bước trong quy tắc quản lý nội dung đang được áp dụng tại quốc gia của bạn, nếu có.
2. Nếu chính phủ của một quốc gia khác yêu cầu chính phủ nước bạn chặn một trang web có nội dung phạm pháp tại nước họ, chính phủ nước bạn sẽ làm gì? Hãy đưa ra ý kiến và chứng minh.

### 5.3 Lời nói xấu

Sự tự do ngôn luận trên Internet ngày càng cao đã dẫn đến một thay đổi trong những lời nói xấu trên mạng. Nói chung, giải quyết việc nói xấu lẫn nhau cần phải có một sự cân bằng trong lợi ích: lợi ích của các cá nhân nổi tiếng và lợi ích xã hội trong sự tự do ngôn luận. Trên Internet, còn có rất nhiều sự phức tạp trên vấn đề xung đột văn hoá trong lợi ích cá nhân và xã hội.

Một trường hợp điển hình là trường hợp của Joseph Gutnick, một doanh nhân tại Melbourne, Úc. Tạp chí Barron's của công ty Dow Jones, đã nói xấu ông Gutnick trong một bài báo của họ. Tạp chí này có 14 người đăng ký đặt mua dài hạn tại Úc và 5 trong số đó sống tại bang Victoria và số lượng đó đủ để Tòa án tối cao Úc khởi tố<sup>31</sup>. Tạp chí Barron's có 1700 người đăng ký đọc online và trả tiền bằng thẻ tín dụng của Úc. Và câu hỏi đặt ra là: Nếu Gutnick thắng kiện, điều đó có nghĩa là tất cả những nhà xuất bản phải kiểm duyệt những gì họ xuất bản theo luật của quốc gia có luật về tội phỉ báng chặt chẽ nhất. May mắn là Tòa án tối cao đã quyết định rằng sự bồi thường thiệt hại bằng tiền mà ông Gutnick đòi hỏi sẽ giới hạn trong sự tổn hại danh tiếng của ông tại Melbourne, chứ không phải trên toàn cầu.<sup>32</sup> Tòa án dường như đã chú ý đến sự tổn hại mà một bài báo nói xấu có thể mang lại, một điều mà các tòa án của các nước trong khối Thịnh vượng chung không đồng tình làm theo.

### Thảo luận

<sup>31</sup> David Fickling and Stuart Millar, "How Diamond Joe's libel case could change the future of the internet," *The Guardian*, 11

December 2002, <http://www.guardian.co.uk/technology/2002/dec/11/media.newmedia>.

<sup>32</sup> High Court of Australia, "Dow Jones and Company Inc v Gutnick [2002] HCA 56" (10 December 2002),

[http://www.austlii.edu.au/au/cases/cth/high\\_ct/2002/56.html](http://www.austlii.edu.au/au/cases/cth/high_ct/2002/56.html).



Hãy đưa ra lời khuyên cho Y, một công dân trong đất nước bạn, trong trường hợp sau:

Trường hợp 1:

Trang Blog của W của nước bạn nói xấu Y, Vậy có điều gì khác khi trang Blog này là trang phổ biến hay không phổ biến? Điều gì xảy ra khi có 200 bài ủng hộ Y?

Trường hợp 2:

Điều gì xảy ra khi một cơ quan thông tin tại Hoa Kỳ nói xấu công ty Y, liệu họ có phải “chịu trách nhiệm pháp lý toàn cầu” với việc nói xấu trên Internet không?

Mạng Internet buộc phải có một sự thay đổi trong luật Internet: Đó là việc cần phải có sự miễn kiểm soát đối với nội dung do bên thứ 3 cung cấp. Điều đó có nghĩa là, những người quản lý trang web và diễn đàn không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các nội dung do người khác đưa ra khi người quản lý hành động “có lý do” sau khi đưa ra nhắc nhở về nội dung xấu. Trong hầu hết các vụ xét xử, “hành động có lý do” có nghĩa là loại bỏ những nội dung xấu trong một khoảng thời gian nhất định trong ngày<sup>33</sup>. Điều đó cũng được gọi là điều khoản nhắc nhở và loại bỏ.

#### 5.4 Bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác

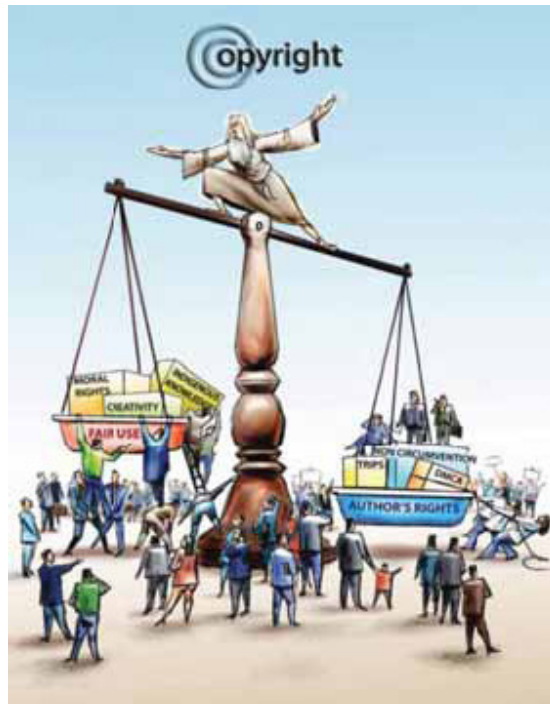
### Hình 3. Một hành động cân bằng trong bản quyền

(Nguồn: DiploFoundation, <http://textus.diplomacy.edu/textusbin/env/scripts/Pool/GetBin.asp?IDPool=1181>)

<sup>33</sup> See Ang (2005).

---

<sup>33</sup> See Ang (2005)



Quyền miễn trừ tương tự cũng cần thiết đối với bản sao. Điều đó có nghĩa là, người sở hữu trang web và forum không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các nội dung liên quan vi phạm quyền sao in do người khác đưa lên, giúp cho người sở hữu trang web hành động “có lý do” sau khi nhắc nhở về nội dung đưa lên đó. Thêm vào đó, rất nhiều quốc gia thông qua điều khoản về nhắc nhở và loại bỏ của Hoa Kỳ đối với bản sao. Những điều khoản như vậy cho phép việc nhắc nhở trở nên khó khăn. Những người cho rằng luật bản sao là một sự vi phạm vẫn cho phép đưa lên mạng những nội dung này, nếu không vấn đề này sẽ được giải quyết tại tòa án.

Một khía cạnh khác của luật sở hữu trí tuệ là liệu tên miền có được coi là thương hiệu hay không. Đối với các công ty đa quốc gia, những quy tắc như vậy có thể xoá bỏ gánh nặng trong việc đăng ký tên công ty tại từng quốc gia. Quy tắc này có nghĩa là bất kỳ ai sử dụng tên của một công ty đa quốc gia thành tên miền của người đó, nếu không đăng ký, sẽ là vi phạm các quy tắc về luật sở hữu trí tuệ và phải bỏ tên miền đó. Quy trình giải quyết tranh chấp của ICANN có thể được sử dụng để giải quyết vấn đề này tầm quốc tế. Nhưng trong từng quốc gia, luật quốc gia sẽ là cần thiết để xác định quyền liên quan đến ccTLDs.

**Câu hỏi**

1. Liệu tên miền có nên được coi như thương hiệu không? tại sao?
2. Làm thế nào để cân bằng giữa lợi ích quốc gia bạn và lợi ích của những người có bản quyền, những người có thể đến từ những quốc gia phát triển?

### **5.5 Quyền riêng tư**

Như đã nói ở trên, các quy tắc về quyền riêng tư đang được thực hiện. Câu hỏi đặt ra là: kiểu mẫu nào nên được sử dụng trong việc điều chỉnh quyền riêng tư? Có 2 kiểu mẫu khả thi với những mô hình khác nhau vô cùng. Với kiểu của EU, quyền riêng tư là nhân quyền. Quyền này không thể được mua bán hay kinh doanh và nó có đầy đủ tính pháp lý. Với kiểu của Hoa Kỳ, quyền riêng tư là một quyền hợp pháp và có thể dùng để thoả thuận hợp đồng. Ví dụ như để có được một địa chỉ thư điện tử, một người phải đọc một số tài liệu hoặc thực hiện một số dịch vụ nào đó. Luật pháp không bao quát toàn bộ các mặt.

Trên Internet, cả hai kiểu mô hình này đều tương tự nhau khi triển khai. Đương nhiên là kiểu của EU khắc nghiệt hơn và khiến cho chi phí cao hơn.

Một quốc gia chọn theo kiểu mô hình nào còn tùy thuộc vào vấn đề văn hoá và lịch sử của họ. Kiểu của EU có khả năng được chấp nhận trên toàn cầu nếu Bảng hướng dẫn bảo vệ số liệu bị buộc phải thực hiện.

#### **Câu hỏi**

1. Tại quốc gia của bạn, Quyền riêng tư được đánh giá ra sao đối với người dùng hợp pháp.
2. Liệu quốc gia của bạn dùng kiểu mẫu của EU hay Hoa Kỳ? Tại sao bạn nghĩ vậy?

### **Kết luận**

Quy trình đưa ra các quy tắc phải minh bạch, đa chiều và dân chủ. Điều đó có nghĩa là quy trình này phải được tư vấn rõ ràng và liên quan đến nhiều phía. Các quy tắc này phải đáp ứng được đầy đủ 4 quy định sau: phù hợp với thị trường, phù hợp tiêu chuẩn xã hội, kiến trúc và luật pháp chính phủ.

### **Tự kiểm tra**

- 1.Đâu là sự liên quan giữa chính sách cạnh tranh và việc truy cập Internet?
- 2.Trên khía cạnh nào, vấn đề kiểm duyệt Internet được đồng ý hoặc cho phép (nếu có)?
- 3.Một người có thể nói xấu người khác trên Internet và thoát khỏi trách nhiệm không?
- 4.Liệu Luật về nói xấu có thể được sửa chữa và áp dụng trên Internet không
5. Đâu là vấn đề chính gây bất đồng liên quan đến quyền bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ khác trên Internet?
6. Hai cách tiếp cận vấn đề quyền riêng tư và quyền bảo vệ dữ liệu là gì? Chúng khác nhau ra sao?

## **6. MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN: THIẾT BỊ SỐ**

**Chương này có mục đích chỉ rõ Internet được dùng như thế nào để phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội, cũng như sự hạn chế của ICTD**

Sự phát triển quốc gia là một trong những động lực của WSIS, điều thậm chí dẫn đến sự tranh cãi trong việc quản lý Internet. Tuy nhiên, sự phát triển là một vấn đề rộng phải mất hàng thập kỷ để có được. Hi vọng cho ICTs, bao gồm cả Internet, là chúng sẽ giúp thúc đẩy quá trình phát triển.

### **6.1 ICT đối với vấn đề phát triển**

Để đạt được hiệu quả, ICTD phải bao gồm các vấn đề sau: (a) quản lý chính phủ và trao quyền hợp pháp để hành động, (b) cơ sở hạ tầng, (c) Phát triển kinh tế và (d) Phát triển xã hội. Nếu không có sự quản lý đúng đắn, các quỹ sẽ bị chi tiêu lãng phí. Nếu không có việc trao quyền hợp pháp để thực hiện, người sử dụng sẽ không thể thay đổi vấn đề gì. Nếu không có cơ sở hạ tầng như điện, viễn thông thì Internet không thể được duy trì.

WSIS đã và đang hỗ trợ để thiết lập Quỹ Thống nhất số. Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) là một hướng dẫn tốt trong việc sử dụng Quỹ này. Mục tiêu MDGs bao gồm:

1. Triệt để loại trừ tình trạng bần cùng (nghèo cùng cực) và thiếu ăn:
2. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học:
3. Nâng cao bình đẳng giới và vị thế, năng lực của phụ nữ:
4. Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em:
5. Cải thiện sức khỏe bà mẹ:
6. Phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác:
7. Đảm bảo sự bền vững của môi trường:
8. Tăng cường quan hệ đối tác toàn cầu cho phát triển:

Học phần 1 của chương trình này đã nói về sự liên hệ giữa ICTs và MDGs

<b>Internet cho nông thôn</b>
-------------------------------

Với công nghệ hiện đại, Internet có khả năng khiến cho khoảng cách thu nhập gia tăng giữa những người sử dụng và không sử dụng nó. Một ví dụ minh họa sinh động chính là trường hợp của Ấn Độ. Tại đây, người ta có thể có công nghệ hiện đại nhất tại các thành phố lớn. Nhưng khu vực nông thôn của đất nước này lại được gọi là “khu vực tối về công nghệ” – nơi mà ngay cả tivi cũng không có.

Để mở rộng phạm vi sử dụng Internet và giải quyết một số tệ nạn xã hội, năm 2007, chính phủ Ấn Độ đã đưa ra một dự án chính phủ điện tử quốc gia được gọi là Kế hoạch “Trung tâm dịch vụ chung” (CSC) với trên 100.000 trung tâm tại 600.000 làng ở nông thôn. Thực chất đó là các quán Internet.

Các quán Internet theo kiểu cũ ngày không có tỉ lệ thành công cao. Trên thực tế, làn sóng đầu tiên của những quán này chỉ có tỷ lệ thành công là 3%, đó là tỷ lệ được tính toán được xác nhận sau 1 năm. Rút kinh nghiệm từ lần đầu tiên này, làn sóng thứ 2 cũng chỉ đạt được tỷ lệ thành công là 30%. Tỷ lệ đã tăng 10 lần nhưng vẫn có 70% thất bại. Kế hoạch trung tâm dịch vụ chung được coi là làn sóng thứ 3. Nó được triển khai dựa trên những nghiên cứu mới nhất về những ứng dụng gì là có hiệu quả đối với người dân nông thôn cũng như sự thay đổi đối với cuộc sống của họ.

Ví dụ, chính phủ Ấn độ sẽ cho phép người dân tiếp cận vấn đề đất đai bởi những quan chức tham nhũng ở nông thôn thường có những gian lận về đất đai của người dân với chính họ. Các đĩa CD và ảnh số được CD-burning

and digital-photo printing have also been found to be revenue generators

Tại Chennai, một sáng kiến cá nhân đã đưa những bài kiểm tra lên mạng đã dẫn đến một sự thay đổi: Khu vực nông thôn có tỷ lệ qua thấp với những bài kiểm tra chính. Nhưng sau khi họ được luyện tập với những bài kiểm tra trên mạng, tỷ lệ đỗ đã tăng vọt. Sự tự tin đã có sau khi vượt qua được kỳ kiểm tra.

Kế hoạch CSC là một sáng kiến hình ảnh. Bên cạnh việc sử dụng Internet để giải quyết các vấn đề xã hội ( như việc chiếm đoạt đất đai bất hợp pháp) và thu hẹp khoảng cách về thiết bị số, nó còn có mục đích cung cấp việc làm. Những người sở hữu các quán Internet tại nông thôn đã trở thành những công ty tư nhân. Trên lý thuyết, điều này có nghĩa là chi phí cho chính phủ sẽ thấp đi, trong khi chi phí cho các bang được dự tính là sẽ tăng và sự đóng góp về tài chính của khu vực tư nhân sẽ càng tăng lên.

Kế hoạch đang được triển khai và kết quả là đáng theo dõi.

For more information refer to Department of Information Technology "Common Service Center Scheme," Government of India, <http://www.csc-india.org>.

## 6.2 Giới hạn và chướng ngại vật

Trong trường hợp này, chúng ta phải nghĩ rằng có giới hạn trong lợi ích mà ICTD mang lại. Ví dụ, sử dụng ICTD mang lại “thông tin tốt hơn tương đương với quyết định tốt hơn. Tương tự như vậy, rất nhiều ứng dụng của ICT là công cụ cung cấp và chuyển giao thông tin, không phải là công cụ liên lạc do việc liên lạc thường mang lại kết quả tốt hơn đối với sự phát triển. Cũng có nhiều chướng ngại vật ngoài tầm kiểm soát của con người. Như ngôn ngữ là một chướng ngại vật, tham nhũng cũng là một chướng ngại vật.

Chi phí vẫn luôn là một điểm chính phải xem xét. Tuy nhiên, chi phí có thể được giảm thiểu. Đầu tiên, cần phải cung cấp nhiều phần cứng giá rẻ. Thứ hai, cần có nhiều phần mềm miễn phí và phần mềm mã nguồn mở (FOSS). Điều cần lưu ý là các ứng dụng của FOSS không hề rẻ vì chúng cần phải được duy trì và thỉnh thoảng một vài phần của các chương trình phần mềm cần phải được kết nối với một máy in có thể không có sẵn và cần phải viết riêng cho nó.

## 6.3 Các ứng dụng của ICTD

Có rất nhiều ứng dụng nổi tiếng và được kiểm định tốt của ICTD. Như đã nói ở trên, hầu hết chúng đều thuộc về phần chuyển giao thông tin. Những ứng dụng này có thể được tìm thấy trong nông nghiệp, giáo dục, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và du lịch. Thường thì rõ ràng rằng thông tin tốt hơn ở những lĩnh vực này sẽ mang lại lợi nhuận cao hơn. Ví dụ như hiểu rõ về nên trồng cây gì có thể có ích nhiều với nông dân. Ngoài thông tin, việc liên lạc thậm chí còn có ích hơn. Ví dụ sau khi trồng một loại cây nào đó, việc biết cách diệt những loại sâu gây hại cây trồng cũng rất quan trọng. Việc này khiến cho việc đưa thông tin liên lạc trong các ứng dụng ICTD là rất cần thiết. Những cam kết đặc biệt là sự phát triển và thúc đẩy các dịch vụ chính phủ điện tử. Ví dụ về dịch vụ của chính phủ điện tử bao gồm việc xin cấp visa, thuế, đất đai, bằng lái và thậm chí đơn giản là cung cấp các mẫu đơn trên mạng. Để bắt đầu việc này, các quan chức chính phủ cần phải thông thạo tin học. Việc tin học hoá ngày sẽ tăng hiệu quả của chính phủ. Ví dụ, đưa thông tin liên lạc với chính

phủ lên mạng có thể giảm thiểu chi phí. Với quá trình tin học hoá trở sẽ khiến mọi việc trở nên minh bạch và giảm tham nhũng. Tin học hoá cũng giúp xây dựng một nền kinh tế công nghệ thông tin, khiến cho các kỹ sư và và người lập trình trở thành những nhà công nghệ thông tin chuyên nghiệp. Tin học hoá cũng đi đôi với việc sử dụng máy tính và giúp ích nhiều hơn trong vấn đề góp ý của từng công dân đến một vấn đề công cộng. Đổi lại điều này sẽ dẫn tới việc trao nhiều quyền lợi hơn cho từng công dân, dẫn đến một vòng quay tốt hơn cho sự phát triển.

Học phần 3 trong chương trình này đã thảo luận về những ứng dụng của Chính phủ điện tử.

Sự minh bạch hơn trong các dịch vụ của chính phủ sẽ mang lại một sự dân chủ hơn. Nhưng đó không phải là trường hợp quan trọng. Trên thực tế, các dịch vụ của chính phủ điện tử giúp cho chính phủ trung ương kiểm soát các vấn đề tốt hơn. Nó giúp cho chính phủ trung ương biết rõ các dịch vụ được thực hiện thế nào cho đến khi kết thúc. Nhưng trên khía cạnh đó, nó giúp cho các dịch vụ của chính phủ nhận được nhiều phản hồi từ địa phương hơn và do vậy giảm thiểu được tham nhũng.<sup>34</sup>

## **Kết luận**

Phát triển là một trong những động lực của WSIS, là mục đích thành lập của WGIG. Nhưng sự phát triển không nhận được sự chú ý trong bản báo cáo WGIG và nó thường được thảo luận quá mức trong các cuộc tranh luận về quản lý Internet. Cộng đồng quốc tế có thể chi phí nhiều cho các dự án ICTD. Một hợp tác công – tư là một cách hợp lý khi nó chia sẻ chi phí hợp tác để làm cho dự án thành công hơn (việc ứng dụng hợp tác công – tư trong tài trợ cho dự án ICTD được thảo luận rõ trong Học phần 8). Nhưng có nhiều việc mà chính phủ có thể làm để sử dụng ICTD. Chi phí truy nhập sẽ thấp hơn. Ví dụ chi phí để đăng ký một tên miền có thể giảm xuống. Sau đó sẽ dùng ý chí chính trị để khuyến khích môi trường luật pháp thuận lợi hơn cho ICTD. Việc sử dụng ICTD là một công cụ cho thông tin liên lạc là chưa từng được cam kết hơn bây giờ.

---

<sup>34</sup> R. Kluver, The Architecture of Control: a Chinese Strategy for e-Governance, in “The Internet and Governance: The Global Context,” *The Journal of Public Policy*, 25, 1 (2005): 75-97.



**Tự kiểm tra**

1. Internet sẽ được dùng như thế nào để đạt được mục tiêu phát triển?
2. Đây là những giới hạn và rào cản đối với việc sử dụng Internet để đạt được các mục tiêu phát triển.

## **7. QUẢN LÝ INTERNET: NHÌN VỀ PHÍA TRƯỚC**

**Chương này sẽ liệt kê những vấn đề về quản lý Internet mà các Diễn đàn quản lý Internet không thể và sẽ không giải quyết được và cần thiết phải có sự tham gia của chính phủ.**

Ủy quyền quản lý nhiệm kỳ 5 năm của Diễn đàn quản lý Internet kết thúc vào năm 2010. Rất nhiều kế hoạch đặt ra cho Diễn đàn này đã có sự tham gia đầy đủ của mọi thành phần. Diễn đàn này đã mang lại rất nhiều lợi ích. Dựa trên các khái niệm, nó đã mang lại cơ hội để thảo luận về các vấn đề tồn tại và cho phép các nước nhỏ tham gia vào các vấn đề. Trên thực tế, nó làm tăng cường nhận thức về vấn đề quản lý Internet và giúp tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của quá trình quản lý Internet.

Thật trớ trêu, rất nhiều hành động thực tế trong việc quản lý Internet hiện nay lại diễn ra một cách song song với những đề xuất kế hoạch cho vấn đề này. Một số liên kết nói chung đã được triển khai để tiếp tục hành động vì lợi ích của các nhóm tương ứng. Ví dụ, vấn đề gửi thư rác vẫn đang diễn ra song song với các hội nghị lập ra để chống lại vấn đề này.

Các vấn đề đặt ra trong bản báo cáo cuối cùng của WGIG là rất gai góc và khó có thể giúp họ có được một giải pháp dễ dàng. Ví dụ, vấn đề chính trị trong việc giám sát quốc tế của ICANN và hệ thống tên miền. Chính phủ Hoa Kỳ đã tuyên bố “chiến thắng” khi họ kiểm soát được ICANN. Trên một nền tảng hỗn loạn thì dù các chính phủ có kiểm soát được ccTLDs, cũng không thể ngăn cản chính phủ Hoa Kỳ đơn phương ngăn chặn sự kiểm soát chính phủ tới ccTLD của quốc gia đó. Chỉ có sự kiềm chế trên lý thuyết chứ không trên thực tế, có nghĩa là khả năng không kiểm soát được là rất cao đối với các quốc gia bị loại khỏi Internet.

Với hàng loạt dấu hiệu khác trong việc sử dụng Internet - các vấn đề liên quan đến Internet nhưng có tác động lớn hơn, và với khía cạnh phát triển Internet- khiến cho nó càng khó có được giải pháp dễ dàng. Điều mà Diễn đàn quản lý Internet cần làm là giúp chỉ rõ cách giải quyết tốt nhất vấn đề này. Xây dựng năng lực để quản lý Internet sẽ là vấn đề luôn tiếp diễn và cần có sự tham gia của tất cả các chính phủ.

Cuộc tranh luận diễn ra trên Bản báo cáo cuối cùng của WGIG đã làm tăng nhận thức về vấn đề quản lý Internet. Do những vấn đề này cần thời gian để giải quyết,

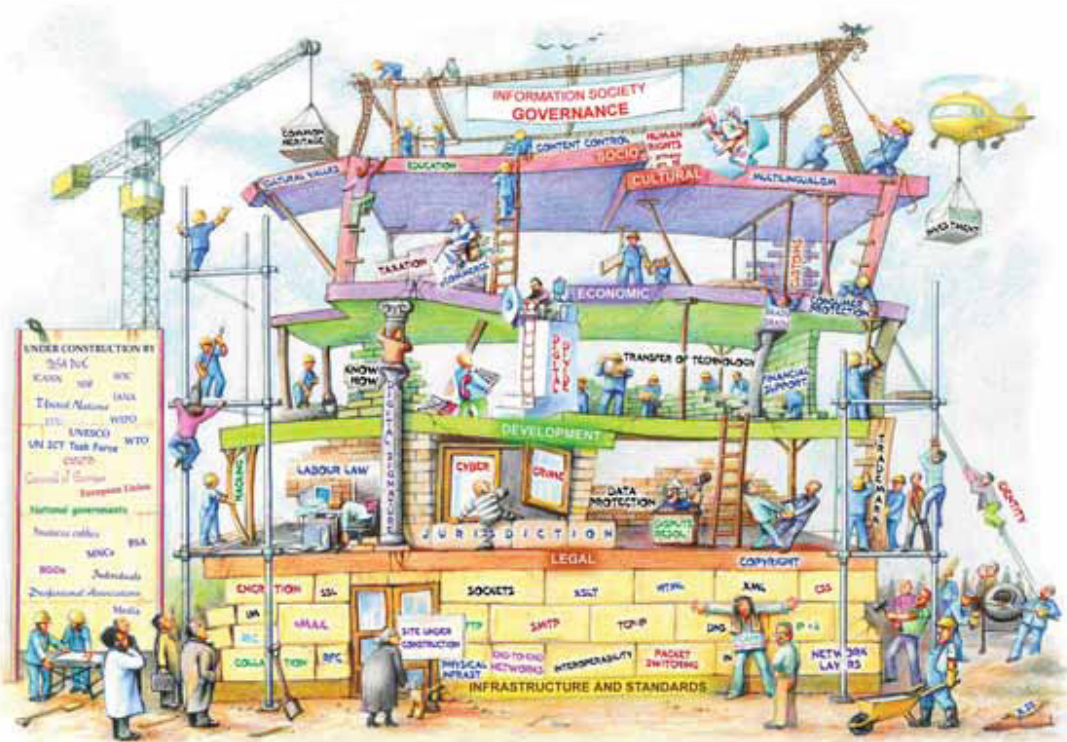
các chính phủ cần phải tăng năng lực bản thân trong việc giải quyết các vấn đề này và cùng tham gia giải quyết trên tầm quốc tế. Việc xây dựng năng lực để giải quyết vấn đề này là cần thiết vì quản lý Internet không chỉ là vấn đề quan hệ quốc tế. Rất nhiều vấn đề trong quản lý Internet là vấn đề nội bộ, ICTD trở thành vấn đề nội bộ. Vì lý do đó, chính quyền các cấp có vị trí vô cùng quan trọng trong quản lý Internet.

## Tóm tắt

Học phần về quản lý Internet thảo luận các vấn đề sau:

1. Quản lý Internet là vấn đề quản lý mạng Internet. Nó bao gồm các vấn đề chính trị liên quan đến chính sách quốc tế về Internet, vấn đề sử dụng và lạm dụng Internet, cũng như việc triển khai Internet sẽ giúp ích cho việc phát triển kinh tế và xã hội
2. Đối lập với những hiểu biết chung, Internet có 1 điểm kiểm soát chính trong khu vực được gọi là hệ thống khu vực trung tâm. Hệ thống khu vực trung tâm này được chính phủ Hoa Kỳ kiểm soát thông qua ICANN
3. WGIG do Liên Hiệp quốc thành lập để giải quyết những căng thẳng chính trị xung quanh việc quản lý Internet. Trong bản báo cáo WGIG, sự quản lý của Diễn đàn quản lý Internet được chứng nhận là hiệu quả tuy nhiên hệ thống khu vực trung tâm vẫn phải do ICANN kiểm soát với những điều khoản rằng chỉ có chính phủ quốc gia mới có quyền kiểm soát và vận hành hệ thống ccTLDs.
4. Quản lý Internet là quản lý đa chiều và đa cấp bậc. Điều đó có nghĩa là không có quốc gia hoặc chủ thể nào có quyền quyết định trong việc quản lý Internet. Thay vào đó, quá trình này là dân chủ, kể cả ở cấp độ quốc gia hoặc quốc tế. Ở cấp độ quốc tế, sự tham gia vào việc quản lý Internet phải được mở rộng cho tất cả các quốc gia, và ở mọi cấp độ, việc quản lý cần phải được mở rộng cho cả thành phần tư nhân và toàn xã hội.
5. Cũng như cuộc sống thực, Internet được điều chỉnh bởi 4 quy tắc: luật pháp, quy phạm xã hội, cơ chế thị trường và kiến trúc thượng tầng. Do sự bắt buộc của luật pháp là không thường xuyên được thực hiện trên Internet, các chính phủ buộc phải có những sáng tạo trong việc tiếp cận các quy tắc của Internet.
6. Tự quy định là một loại quy tắc của quản lý. Nó thường được coi là một hình thức được ưa chuộng sử dụng nhưng nó cũng có những hạn chế riêng và chi phí cho các ứng dụng là cao
7. Bản đồ chỉ dẫn cho các quy tắc trên Internet là phổ biến nhưng nó cũng chứa nhiều mối nguy hiểm.
8. Mạng Internet đã khiến cho nhiều loại tội phạm cũ quay trở lại. Một trong những điều khó khăn trong việc ngăn chặn là phải đưa ra định nghĩa về tội phạm này.

- a. Hai lĩnh vực tội phạm nhận được sự đồng thuận trong quản lý toàn cầu là khiêu dâm trẻ em và lừa đảo người tiêu dùng. Các cơ quan chức năng đang hợp tác để chống lại vấn đề này.
  - b. Thư rác, lừa đảo, mã độc, phishing là những vấn đề được thống nhất về cơ bản sẽ được bảo vệ nhưng không phải mọi quốc gia đều có luật chống lại vấn đề này
  - c. Có sự khác biệt lớn trong các quy tắc và hành động chống lại tội phạm mạng, nhận diện lừa đảo và chống nghiện Internet
  - d. Diễn đàn quản lý Internet
9. Không chỉ các quy tắc phải có sự sáng tạo mà các hình phạt trên Internet cũng cần có sự đổi mới.
10. Kết luận cuối cùng là hợp tác quốc tế là cần thiết để chống lại các loại tội phạm trên Internet.
11. Các vấn đề quản lý Internet đã vượt ra thế giới thực. Các ví dụ bao gồm chính sách cạnh tranh, kiểm duyệt và tự do ngôn luận, nói xấu, bản quyền và các quyền sở hữu trí tuệ và quyền riêng tư
12. Một động cơ thúc đẩy những nghiên cứu trong quản lý Internet là vấn đề các quốc gia đang phát triển dễ bị bỏ lại trong nền kinh tế thông tin. Do vậy việc sử dụng ICTD là cần thiết trong quản lý Internet
- a. Có những giới hạn và rào cản trong sử dụng Internet
  - b. Có những bài học thành công và có thể áp dụng
  - c. ICTD có thể nâng cao khả năng quản lý trong thế giới thực bằng cách tăng cường sự minh bạch
13. Các căng thẳng chính trị trong quản lý Internet không thể được giải quyết, và xây dựng khả năng quản lý Internet vẫn là một vấn đề tiếp diễn cần tất cả các chính phủ quan tâm giải quyết.



Source: DiploFoundation, <http://textus.diplomacy.edu/textusbin/env/scripts/Pool/GetBin.asp?IDPool=1190>.